

PHỤ LỤC 03: KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG GIÁO VIÊN CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Ưu tiên		Trình độ đào tạo	Vị trí dự tuyển	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		Điểm thi	Điểm xét tuyển	Kết quả	Tên trường trúng tuyển sau sắp xếp (nếu có thay đổi tên trường)	Ghi chú
						ĐT	Điểm			Tên trường	Xã/phường	Tên trường	Xã/phường					
1	Bùi Thị	Hiền	01/11/1991	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	PTDTBT TH&THCS A Mú Sung	A Mú Sung	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	79,5	79,5	Trúng tuyển NV1		
2	Trần Thị	Hạnh	28/02/1997	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	PTDTBT TH&THCS Làng Nhi	Phình Hồ			77,0	77,0	Trúng tuyển NV1		
3	Lê Thị	Nhi	20/09/1999	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	PTDTBT TH&THCS Làng Nhi	Phình Hồ				0,0	Không trúng tuyển		Bỏ thi
4	Nguyễn Thị	Thúy Trang	03/10/2002	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	PTDTBT TH&THCS Tràm Tấu	Tràm Tấu	PTDTBT TH&THCS Làng Nhi	Phình Hồ		0,0	Không trúng tuyển		Bỏ thi
5	Nguyễn Thị	Liên	06/07/1989	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	PTDTBT THCS Lao Chải	Lao Chải	TH&THCS Đông An	Đông Cường	92,5	92,5	Trúng tuyển NV1		
6	Giảng A	Rùa	17/04/1991	Nam	Mông	DTTS	5	Đại học	Toán	PTDTBT THCS Lao Chải	Lao Chải	PTDTBT TH&THCS Hồ Bồn	Khao Mang	60,5	65,5	Trúng tuyển NV2		
7	Trình Quang	Thiều	28/08/1985	Nam	Kinh			Đại học	Toán	PTDTBT THCS Lý Tự Trọng	Nậm Cỏ	PTDTBT THCS Cao Pha	Tú Lệ	66,5	66,5	Trúng tuyển NV1		
8	Lê Quốc	Trường	10/01/2002	Nam	Kinh			Đại học	Toán	PTDTBT THCS Suối Thầu	Mường Bo	PTDTBT THCS Tả Giàng Phình	Ngũ Chỉ Sơn	52,0	52,0	Trúng tuyển NV1		
9	Phạm Như	Quỳnh	12/06/2003	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	TH&THCS Âu Lâu	Âu Lâu	THCS Lê Hồng Phong	Yên Bái	79,0	79,0	Trúng tuyển NV1		
10	Phạm Thị	Huệ	12/02/1991	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	TH&THCS Bạch Hà 1	Thác Bả	TH&THCS Vĩnh Kiên	Thác Bả	94,0	94,0	Trúng tuyển NV1		
11	Đặng Thanh	Huyền	17/11/2002	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	TH&THCS Cầu Mây	Sa Pa	THCS Kim Đồng	Sa Pa	92,0	92,0	Trúng tuyển NV1		
12	Đỗ An	Thuyền	24/12/1982	Nam	Kinh			Đại học	Toán	TH&THCS Đông An	Đông Cường	TH&THCS Đông Cường	Đông Cường	88,5	88,5	Trúng tuyển NV1		
13	Nguyễn Khải	Hoàng	27/01/2002	Nam	Kinh			Đại học	Toán	TH&THCS Hoàng Văn Thọ	Chấn Thịnh	THCS Bảo Ái	Bảo Ái	70,0	70,0	Trúng tuyển NV1		
14	Ngân Văn	Quỳnh	02/01/2001	Nam	Thái	DTTS	5	Đại học	Toán	TH&THCS Hoàng Văn Thụ	Trung Tâm	TH&THCS Sơn A	Liên Sơn	81,0	86,0	Trúng tuyển NV1		
15	Lê Thu	Hạ	03/07/2002	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	TH&THCS Hưng Thịnh	Luong Thịnh	TH&THCS số 1 Lương Thịnh	Luong Thịnh	78,0	78,0	Trúng tuyển NV1		
16	Doãn Thúy	Liên	29/05/1987	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	TH&THCS Minh Bảo	Nam Cường	TH&THCS Âu Lâu	Âu Lâu	79,0	79,0	Trúng tuyển NV1		
17	Trần Thu	Trà	13/05/2001	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	TH&THCS Nghĩa Lộ	Trung Tâm	TH&THCS Hoàng Văn Thụ	Trung Tâm	89,0	89,0	Trúng tuyển NV1		
18	Vũ Thị Thu	Thảo	05/07/1996	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	TH&THCS Quang Minh	Đông Cường	TH&THCS Yên Phú	Xuân Ái		0,0	Không trúng tuyển		Bỏ thi
19	Nguyễn Thị Thu	Hằng	15/06/1995	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	TH&THCS số 1 Hồng Ca	Hung Khánh	PTDTBT THCS Lao Chải	Lao Chải	87,5	87,5	Trúng tuyển NV1		
20	Triệu Minh	Vương	01/12/1987	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	Toán	TH&THCS số 1 Hồng Ca	Hung Khánh	THCS Hưng Khánh	Hung Khánh	85,5	90,5	Trúng tuyển NV1		
21	Nguyễn Thị	Hương	06/06/1992	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	TH&THCS số 1 Lương Thịnh	Luong Thịnh	TH&THCS Hưng Thịnh	Luong Thịnh	86,0	86,0	Trúng tuyển NV1		
22	Nguyễn Trung	Đức	12/09/1991	Nam	Kinh			Đại học	Toán	TH&THCS số 1 Lương Thịnh	Luong Thịnh	TH&THCS Hưng Thịnh	Luong Thịnh	73,0	73,0	Không trúng tuyển		
23	Vũ Thị	Thúy	23/11/1994	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	TH&THCS số 1 Tả Phời	Hợp Thành	THCS Bàn Lầu	Bàn Lầu	80,5	80,5	Trúng tuyển NV1		
24	Phạm Thúy	Nguyễn	13/09/1989	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	TH&THCS Tân Thịnh	Chấn Thịnh	TH&THCS Hoàng Văn Thọ	Chấn Thịnh	88,0	88,0	Trúng tuyển NV1		
25	Bùi Lê	Vân	03/04/1988	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	TH&THCS Tuy Lộc	Nam Cường	THCS Quang Trung	Yên Bái	84,5	84,5	Trúng tuyển NV1		
26	Đỗ Hồng	Linh	01/08/1997	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	TH&THCS Tuy Lộc	Nam Cường	TH&THCS Văn Phú	Văn Phú	75,0	75,0	Không trúng tuyển		
27	Phạm Hiền	Dịu	17/09/2003	Nữ	Cao Lan	DTTS	5	Đại học	Toán	TH&THCS Vĩnh Kiên	Thác Bả	THCS Yên Thành	Yên Thành	96,0	101,0	Trúng tuyển NV1		
28	Nguyễn Thị	Thu	13/10/1993	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	TH&THCS Vĩnh Kiên	Thác Bả	TH&THCS Bạch Hà 1	Thác Bả	70,5	70,5	Trúng tuyển NV1		
29	Nguyễn Thị	Huyền	22/04/1993	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	TH&THCS Vĩnh Yên	Nghĩa Đô	TH&THCS Vĩnh Kiên	Thác Bả	97,0	97,0	Trúng tuyển NV1		
30	Hoàng Thị	Chiều	01/12/1994	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Toán	TH&THCS Vĩnh Yên	Nghĩa Đô	THCS Nghĩa Đô	Nghĩa Đô	73,5	78,5	Trúng tuyển NV1		
31	Trình Thị	Huệ	20/10/1991	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	TH&THCS Vĩnh Yên	Nghĩa Đô	THCS Nghĩa Đô	Nghĩa Đô	67,5	67,5	Không trúng tuyển		
32	Bùi Công	Lân	08/09/1993	Nam	Kinh			Đại học	Toán	THCS Bàn Lầu	Bàn Lầu	THCS Bàn Sen	Bàn Lầu	81,5	81,5	Trúng tuyển NV1		
33	Nguyễn Thị Hồng	Liên	14/10/1995	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	THCS Bàn Sen	Bàn Lầu	TH&THCS Na Lốc	Bàn Lầu	87,5	87,5	Trúng tuyển NV1		
34	Nguyễn Mạnh	Hùng	24/06/1995	Nam	Kinh			Đại học	Toán	THCS Chấn Thịnh	Chấn Thịnh	TH&THCS số 1 Hồng Ca	Hung Khánh	93,5	93,5	Trúng tuyển NV1		
35	Phan Thị Minh	Ngọc	29/06/1996	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	THCS Cổ Phúc	Trần Yên	TH&THCS Vĩnh Kiên	Thác Bả	82,0	82,0	Trúng tuyển NV1		
36	Đỗ Thị	Huệ	15/10/1997	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	THCS Cốc San	Cốc San	PTDTBT TH&THCS Tràm Tấu	Tràm Tấu	84,0	84,0	Trúng tuyển NV1		
37	Nguyễn Quỳnh	Chi	11/10/2003	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	THCS Đông Khê	Văn Sơn	TH&THCS Lê Hồng Phong	Nghĩa Lộ	69,5	69,5	Trúng tuyển NV1		
38	Nguyễn Minh	Giang	15/10/1994	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	THCS Hoàng Hoa Thám	Lào Cai	THCS Bàn Phệt	Lào Cai	92,0	92,0	Trúng tuyển NV1		
39	Lục Việt	Thúy	16/11/1994	Nữ	Nùng	DTTS	5	Đại học	Toán	THCS Hợp Thành	Hợp Thành	THCS Cốc San	Cốc San	87,5	92,5	Trúng tuyển NV1	TH&THCS Hợp Thành	
40	Đình Ngọc	Khắc	01/06/1984	Nam	Kinh			Thạc sĩ	Toán	THCS Kim Tân	Lào Cai	THCS Hoàng Hoa Thám	Lào Cai	91,5	91,5	Trúng tuyển NV1		
41	Lê Thị Hồng	Phụng	03/04/1992	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	THCS Lâm Giang	Lâm Giang	TH&THCS Đông Cường	Đông Cường	83,0	83,0	Trúng tuyển NV1		
42	Bùi Trang	Nhung	16/03/2002	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	THCS Lê Hồng Phong	Yên Bái	THCS Yên Ninh	Yên Bái	88,0	88,0	Trúng tuyển NV1		
43	Vũ Thúy	Anh	25/09/1993	Nữ	Kinh			ThS/Đại học	Toán	THCS Nghĩa Đô	Nghĩa Đô	TH&THCS Tân Lập	Tân Lập	94,5	94,5	Trúng tuyển NV1		
44	Nguyễn Thị Thúy	Linh	28/05/1994	Nữ	Kinh			ThS	Toán	THCS Nghĩa Đô	Nghĩa Đô	THCS Hưng Khánh	Hung Khánh	88,5	88,5	Trúng tuyển NV1		
45	Nguyễn Văn	Hoàn	02/11/1994	Nam	Kinh			ThS	Toán	THCS Nghĩa Đô	Nghĩa Đô	THCS Phong Dụ Thượng	Phong Dụ Thượng	85,5	85,5	Trúng tuyển NV2		
46	Hoàng Văn	Khanh	02/02/1991	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	Toán	THCS Nghĩa Đô	Nghĩa Đô	PTDTBT THCS Tân Tiến	Nghĩa Đô	65,0	70,0	Trúng tuyển NV2		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Ưu tiên		Trình độ đào tạo	Vị trí dự tuyển	Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm thi	Điểm xét tuyển	Kết quả	Tên trường trúng tuyển sau sắp xếp (nếu có thay đổi tên trường)	Ghi chú
					ĐT	Điểm			Tên trường	Xã/phường	Tên trường	Xã/phường					
47	Quan Văn Được	20/01/1995	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	Toán	THCS Nghĩa Đô	Nghĩa Đô	PTDTBT TH&THCS Khâu Ly	Phình Hồ	61,5	66,5	Trúng tuyển NV2		
48	Tăng Thu Trang	11/01/2000	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	THCS Nghĩa Đô	Nghĩa Đô	TH&THCS Vĩnh Yên	Nghĩa Đô	58,0	58,0	Không trúng tuyển		
49	Bàn Văn Pâm	18/02/1989	Nam	Dao	DTTS	5	Đại học	Toán	THCS Nghĩa Đô	Nghĩa Đô	TH&THCS Vĩnh Yên	Nghĩa Đô	50,5	55,5	Không trúng tuyển		
50	Nguyễn Thị Duyên	04/11/1991	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	THCS Phúc Sơn	Cầu Thia	THCS Phù Nam	Trung Tâm	81,5	81,5	Trúng tuyển NV1		
51	Nguyễn Nguyệt Minh	02/11/2003	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Toán	THCS Quang Trung	Yên Bái	THCS Cổ Phúc	Trần Yên	84,0	89,0	Trúng tuyển NV1		
52	Trần Thị Thảo	12/06/1988	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	THCS Quang Trung	Yên Bái	THCS Yên Thịnh	Văn Phú	81,5	81,5	Trúng tuyển NV1		
53	Phạm Thị Ngân	26/04/1993	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	THCS Quang Trung	Yên Bái	THCS Yên Ninh	Yên Bái	75,0	75,0	Không trúng tuyển		
54	Mai Xuân Hà	04/11/1995	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	Toán	THCS số 1 Cam Cơn	Bào Hà	THCS Dương Quý	Dương Quý	58,0	63,0	Trúng tuyển NV1	TH&THCS Cam Cơn	
55	Mai Thị Hoà	28/01/2003	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	THCS số 2 Võ Lao	Võ Lao	THCS số 1 Võ Lao	Võ Lao	84,0	84,0	Trúng tuyển NV1		
56	Đồng Thị Loan	03/08/2003	Nữ	Thái	DTTS	5	Đại học	Toán	THCS Tú Lệ	Tú Lệ	PTDTBT THCS Cao Pha	Tú Lệ	81,0	86,0	Trúng tuyển NV1		
57	Cù Văn Thái	15/10/1996	Nam	Kinh			Đại học	Toán	THCS Yên Ninh	Yên Bái	TH&THCS Văn Phú	Văn Phú	83,0	83,0	Trúng tuyển NV1		
58	Nguyễn Thị Bích Duyên	12/11/1997	Nữ	Kinh			Đại học	Toán	THCS Yên Ninh	Yên Bái	TH&THCS Văn Phú	Văn Phú	75,5	75,5	Trúng tuyển NV2		
59	Trần Long Vũ	25/01/2002	Nam	Kinh			Đại học	Toán	THCS Yên Thịnh	Văn Phú	THCS Yên Ninh	Yên Bái	90,0	90,0	Trúng tuyển NV1		
60	Hoàng Văn Quyết	14/07/1995	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	Vật lý	PTDTBT TH&THCS số 1 Quan Hồ	Si Ma Cai	PTDTBT TH&THCS Nàn Sín	Sín Chéng	85,5	90,5	Trúng tuyển NV1		
61	Hân Văn Ngọc	13/03/1989	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	Vật lý	PTDTBT TH&THCS Nàn Sín	Sín Chéng	PTDTBT TH&THCS số 1 Quan Hồ	Si Ma Cai	66,5	71,5	Trúng tuyển NV1		
62	Sùng Thị Mai	18/10/2000	Nữ	Móng	DTTS	5	Đại học	Vật lý	PTDTBT THCS Khao Mang	Khao Mang	PTDTBT TH&THCS Hồ Bón	Khao Mang	69,0	74,0	Trúng tuyển NV1		
63	Nguyễn Khánh Duy	20/12/2003	Nam	Kinh			Đại học	Vật lý	PTDTNT THCS Lục Yên	Lục Yên	TH&THCS Việt Thành	Trần Yên	72,0	72,0	Trúng tuyển NV1		
64	Lương Thị Quỳnh Phương	25/11/2002	Nữ	Kinh			Đại học	Vật lý	TH&THCS Trung Tâm	Phúc Lợi	THCS Bàn Lầu	Bàn Lầu	72,0	72,0	Trúng tuyển NV1		
65	Trần Thị Hồng Nhung	01/01/1998	Nữ	Kinh			Đại học	Vật lý	TH&THCS Việt Thành	Trần Yên	TH&THCS Vĩnh Kiên	Thác Bà	86,5	86,5	Trúng tuyển NV1		
66	Nguyễn Văn Trường	01/12/2003	Nam	Kinh			Đại học	Vật lý	TH&THCS Vĩnh Yên	Nghĩa Đô	THCS Lang Thíp	Lâm Giang	77,0	77,0	Trúng tuyển NV1		
67	Phùng Mai Linh	17/09/2003	Nữ	Kinh			Đại học	Vật lý	TH&THCS Yên Hợp	Xuân Ái	TH&THCS Nà Hẩu	Tân Hợp	83,5	83,5	Trúng tuyển NV1		
68	Hoàng Văn Tuệ	03/02/1991	Nam	Tây	TS, Quân	5	Đại học	Vật lý	THCS Chu Văn An	Lâm Thượng	TH&THCS Mai Sơn	Lâm Thượng	65,0	70,0	Trúng tuyển NV1		
69	Trình Xuân Hải	19/09/1986	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	Vật lý	THCS Chu Văn An	Lâm Thượng	TH&THCS Mai Sơn	Lâm Thượng	52,5	57,5	Trúng tuyển NV2		
70	Nguyễn Thị Dung	02/05/1990	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Vật lý	THCS Lê Hồng Phong	Yên Bái	TH&THCS Việt Thành	Trần Yên	82,5	87,5	Trúng tuyển NV1		
71	Phạm Thúy Hà	15/06/2000	Nữ	Kinh			Đại học	Vật lý	THCS Lê Hồng Phong	Yên Bái	TH&THCS Việt Thành	Trần Yên	85,5	85,5	Không trúng tuyển		
72	Phùng Thị Thảo	05/04/1992	Nữ	Mường	DTTS	5	Đại học	Hóa học	PTDTBT TH&THCS Khâu Ly	Phình Hồ	THCS Số 2 Võ Lao	Võ Lao	85,0	90,0	Trúng tuyển NV1		
73	Trần Công Danh	12/11/2002	Nam	Kinh			Đại học	Hóa học	PTDTBT THCS Nậm Đét	Bào Nhai	PTDTBT THCS Sàng Ma Sáo	Đền Sáng	87,0	87,0	Trúng tuyển NV1		
74	Hà Hoài Thanh	08/05/1994	Nữ	Kinh			Đại học	Hóa học	PTDTBT THCS Nậm Đét	Bào Nhai	TH&THCS số 2 Tả Phời	Hợp Thành	84,5	84,5	Không trúng tuyển		
75	Nguyễn Hào Quang	19/10/1997	Nam	Kinh			Đại học	Hóa học	PTDTBT THCS Sàng Ma Sáo	Đền Sáng	TH&THCS số 2 Tả Phời	Hợp Thành	74,0	74,0	Trúng tuyển NV1		
76	Trần Thị Thu Nhân	24/06/1983	Nữ	Kinh			Đại học	Hóa học	TH&THCS Bàn Xèo	Bàn Xèo	PTDTBT THCS Thanh Kim	Bàn Hồ	83,5	83,5	Trúng tuyển NV1		
77	Nguyễn Hà My	19/11/1994	Nữ	Kinh			Đại học	Hóa học	TH&THCS Lý Tự Trọng	Nghĩa Lộ	TH&THCS Võ Thị Sáu	Cầu Thia	93,5	93,5	Trúng tuyển NV1	THCS Nghĩa Lộ	
78	Dương Thị Lệ Quyên	03/02/1989	Nữ	Kinh			Đại học	Hóa học	TH&THCS Nà Hẩu	Tân Hợp	THCS Châu Quế Hạ	Châu Quế	50,5	50,5	Trúng tuyển NV1		
79	Hà Thị Thu Minh	04/09/1991	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Hóa học	TH&THCS số 1 Hồng Ca	Hưng Khánh	TH&THCS số 2 Hồng Ca	Hưng Khánh	78,5	83,5	Trúng tuyển NV1		
80	Nguyễn Thị Hải Yến	26/07/2000	Nữ	Kinh			Đại học	Hóa học	TH&THCS số 1 Hồng Ca	Hưng Khánh			71,5	71,5	Không trúng tuyển		
81	Nguyễn Thị Phương	20/05/1998	Nữ	Kinh			Đại học	Hóa học	TH&THCS số 2 Hồng Ca	Hưng Khánh	TH&THCS số 2 Tả Phời	Hợp Thành	96,0	96,0	Trúng tuyển NV1		
82	Hoàng Văn Mạnh	21/03/1991	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	Hóa học	TH&THCS số 2 Hồng Ca	Hưng Khánh	TH&THCS số 1 Hồng Ca	Hưng Khánh	74,5	79,5	Không trúng tuyển		
83	Phạm Thị Huệ	01/08/1992	Nữ	Kinh			Đại học	Hóa học	TH&THCS số 2 Tả Phời	Hợp Thành	THCS Lâm Giang	Lâm Giang	92,5	92,5	Trúng tuyển NV1		
84	Trần Thị Lệ Thư	10/04/1995	Nữ	Kinh			Đại học	Hóa học	TH&THCS số 2 Tả Phời	Hợp Thành	TH&THCS Vĩnh Yên	Nghĩa Đô	81,5	81,5	Trúng tuyển NV2		
85	Nguyễn Văn Luân	19/05/1986	Nam	Mường	DTTS	5	Đại học	Hóa học	TH&THCS số 2 Tả Phời	Hợp Thành	TH&THCS Vĩnh Yên	Nghĩa Đô		0,0	Không trúng tuyển		Bỏ thi
86	Nguyễn Thị Thanh Tâm	02/05/1993	Nữ	Kinh			Đại học	Hóa học	TH&THCS Tân Lĩnh	Tân Lĩnh	TH&THCS số 1 Phúc Khánh	Phúc Khánh	88,0	88,0	Trúng tuyển NV1	THCS Tân Lĩnh	
87	Hoàng Thanh Huyền	16/02/2002	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Hóa học	TH&THCS Tân Lĩnh	Tân Lĩnh			76,0	81,0	Không trúng tuyển		
88	Vũ Đình Điện	10/06/1991	Nam	Kinh			Đại học	Hóa học	TH&THCS Tân Lĩnh	Tân Lĩnh			78,5	78,5	Không trúng tuyển		
89	Nguyễn Thị Nga	16/06/1996	Nữ	Kinh			Đại học	Hóa học	TH&THCS Võ Thị Sáu	Cầu Thia	TH&THCS Nghĩa Lộ	Trung Tâm	91,5	91,5	Trúng tuyển NV1		
90	Lộc Thị Len	06/11/1991	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Hóa học	TH&THCS Yên Thắng	Lục Yên	TH&THCS Bàn Xèo	Bàn Xèo	68,0	73,0	Trúng tuyển NV1		
91	Nguyễn Thị Trang	22/06/1994	Nữ	Kinh			Đại học	Hóa học	TH&THCS Yên Thắng	Lục Yên	TH&THCS Tân Lĩnh	Tân Lĩnh	69,5	69,5	Không trúng tuyển		
92	Nguyễn Thị Hương	23/11/1989	Nữ	Kinh	Con đẻ của	5	Đại học	Hóa học	THCS Bàn Phệt	Lào Cai	TH&THCS Bàn Qua	Bát Xát	88,5	93,5	Trúng tuyển NV1		
93	Dương Thị Ngọc Ánh	03/04/1996	Nữ	Kinh			Đại học	Hóa học	THCS Bàn Phệt	Lào Cai			83,5	83,5	Không trúng tuyển		
94	Hoàng Thị Nguyệt Trinh	15/08/2003	Nữ	Nùng	DTTS	5	Đại học	Hóa học	THCS Lê Hồng Phong	Lục Yên	TH&THCS Yên Thắng	Lục Yên	68,5	73,5	Trúng tuyển NV1		
95	Bùi Thu Trang	31/05/2000	Nữ	Kinh			Đại học	Hóa học	THCS Mậu A	Mậu A	TH&THCS số 1 Hồng Ca	Hưng Khánh	78,5	78,5	Trúng tuyển NV1		
96	Nguyễn Thị Diễm Hương	04/05/1993	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Hóa học	THCS Mậu A	Mậu A	TH&THCS Nà Hẩu	Tân Hợp	61,0	66,0	Không trúng tuyển		

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Ưu tiên		Trình độ đào tạo	Vị trí dự tuyển	Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm thi	Điểm xét tuyển	Kết quả	Tên trường trúng tuyển sau sắp xếp (nếu có thay đổi tên trường)	Ghi chú
						ĐT	Điểm			Tên trường	Xã/phường	Tên trường	Xã/phường					
97	Phạm Văn	Tường	01/09/1995	Nam	Kinh			Đại học	Hóa học	THCS Sĩ Ma Cai	Sĩ Ma Cai	TH&THCS Bàn Xèo	Bàn Xèo	71,5	71,5	Trúng tuyển NV1		
98	Hà Thị	Kiều	06/06/1995	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Hóa học	THCS số 2 Võ Lao	Võ Lao	TH&THCS số 1 Phúc Khánh	Phúc Khánh	83,0	88,0	Trúng tuyển NV1		
99	Hồ A	Sinh	15/11/1991	Nam	H'Mông	DTTS	5	Đại học	Sinh học	PTDTBT TH&THCS HỒ BÓN	Khao Mang	PTDTBT TH&THCS Chế Tạo	Chế Tạo	50,5	55,5	Trúng tuyển NV2		NV1 đăng ký trường không có chỉ tiêu
100	Hoàng Thanh	Thùy	03/11/1989	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Sinh học	PTDTBT THCS An Lương	Mỏ Vàng	PTDTBT THCS Khao Mang	Khao Mang	56,5	61,5	Trúng tuyển NV1		
101	Giàng Thị	Tĩnh	27/07/2001	Nữ	Mông	DTTS	5	Đại học	Sinh học	PTDTBT THCS Khao Mang	Khao Mang	PTDTBT TH&THCS Chế Tạo	Chế Tạo	57,0	62,0	Trúng tuyển NV1		
102	Giàng A	Phúc	08/01/1996	Nam	Mông	DTTS	5	Đại học	Sinh học	PTDTBT THCS Tả Giàng Phình	Ngũ Chi Sơn	THCS Sứ Pán	Tả Van	71,5	76,5	Trúng tuyển NV1		
103	Đỗ Thị	Vân	21/02/2003	Nữ	Kinh			Đại học	Sinh học	PTDTBT THCS Thanh Kim	Bản Hò	TH&THCS Vĩnh Yên	Nghĩa Đô	85,5	85,5	Trúng tuyển NV1		
104	Hoàng Mạnh	Giang	10/07/1987	Nam	Kinh			Thạc sĩ	Sinh học	TH&THCS Bàn Xèo	Bàn Xèo	PTDTBT THCS Tả Giàng Phình	Ngũ Chi Sơn	77,5	77,5	Trúng tuyển NV1		
105	Vũ Ngọc	Mai	25/04/1995	Nữ	Kinh			Đại học	Sinh học	TH&THCS Bàn Xèo	Bàn Xèo	PTDTBT THCS Tả Giàng Phình	Ngũ Chi Sơn	76,5	76,5	Không trúng tuyển		
106	Nguyễn Hoàng	Hương	17/12/2002	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Sinh học	TH&THCS Đông Cuông	Đông Cuông	THCS Châu Quế Hạ	Châu Quế	57,5	62,5	Trúng tuyển NV1	THCS Đông Cuông	
107	Trần Văn	Luyện	10/08/1992	Nam	Kinh			Đại học	Sinh học	TH&THCS Đông Cuông	Đông Cuông	THCS Lâm Giang	Lâm Giang	50,5	50,5	Trúng tuyển NV2		
108	Phan Thị Thanh	Tâm	11/10/1993	Nữ	Mường	DTTS	5	Đại học	Sinh học	TH&THCS Đông Cuông	Đông Cuông	THCS Bắc Hà	Bắc Hà	55,5	60,5	Không trúng tuyển		
109	Triệu Thị	Huyền	03/07/2002	Nữ	Dao	DTTS	5	Đại học	Sinh học	TH&THCS Hòa Cuông	Trần Yên	THCS Báo Đáp	Trần Yên	70,5	75,5	Trúng tuyển NV1		
110	Đoàn Thanh	Hương	11/06/1996	Nữ	Kinh			Đại học	Sinh học	TH&THCS Mậu Đông	Mậu A	TH&THCS Tân Hợp	Tân Hợp	62,5	62,5	Trúng tuyển NV1		
111	Hoàng Thanh	Hằng	02/04/1992	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Sinh học	TH&THCS Mỹ Gia	Yên Thành	TH&THCS Số 2 Cẩm Nhân	Cẩm Nhân	64,0	69,0	Trúng tuyển NV1		
112	Nguyễn Thị	Trang	18/01/1991	Nữ	Kinh			Đại học	Sinh học	TH&THCS số 2 Hồng Ca	Hưng Khánh			72,5	72,5	Trúng tuyển NV1		
113	Hoàng Thị	Tuyết	25/05/1993	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Sinh học	TH&THCS Tân Hợp	Tân Hợp	TH&THCS Đông Cuông	Đông Cuông	69,5	74,5	Trúng tuyển NV1		
114	Trần Thị	Yến	20/04/1989	Nữ	Kinh			Đại học	Sinh học	TH&THCS Thanh Phú	Mường Bo			76,5	76,5	Trúng tuyển NV1		
115	Đình Trường	Giang	04/09/2000	Nam	Kinh			Đại học	Sinh học	TH&THCS Vũ Linh	Thác Bà	TH&THCS Mỹ Gia	Yên Thành	70,5	70,5	Trúng tuyển NV1		
116	Bùi Xuân	Kiên	04/05/1995	Nam	Kinh			Đại học	Sinh học	TH&THCS Vũ Linh	Thác Bà	TH&THCS Mỹ Gia	Yên Thành	53,5	53,5	Không trúng tuyển		
117	Hiền	Tệnh	19/11/1996	Nữ	Tả Riêng	DTTS	5	Đại học	Sinh học	THCS Bắc Hà	Bắc Hà	THCS Lũng Vai	Bản Lầu	54,5	59,5	Trúng tuyển NV1		
118	Vàng Seo	Tre	10/08/1989	Nam	H'Mông	DTTS	5	Đại học	Sinh học	THCS Bắc Hà	Bắc Hà	THCS Lũng Vai	Bản Lầu	50,5	55,5	Không trúng tuyển		
119	Trần Thanh	Hằng	23/09/1994	Nữ	Kinh			Đại học	Sinh học	THCS Bắc Hà	Bắc Hà	TH&THCS Bàn Xèo	Bàn Xèo	51,5	51,5	Không trúng tuyển		
120	Vũ Thị Hằng	Nga	10/05/1990	Nữ	Kinh			Đại học	Sinh học	THCS Báo Đáp	Trần Yên	TH&THCS Hòa Cuông	Trần Yên	74,5	74,5	Trúng tuyển NV1		
121	Lương Thị	Thúy	25/08/1997	Nữ	Kinh			Đại học	Sinh học	THCS Châu Quế Hạ	Châu Quế	THCS Lâm Giang	Lâm Giang		0,0	Không trúng tuyển		Bỏ thi
122	Phan Văn	Thơ	01/05/1991	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	Sinh học	THCS Chu Văn An	Lâm Thượng			80,0	85,0	Trúng tuyển NV1		
123	La Văn	Vang	09/02/1991	Nam	Nùng	DTTS	5	Đại học	Sinh học	THCS Chu Văn An	Lâm Thượng	TH&THCS số 2 Cẩm Nhân	Cẩm Nhân	59,5	64,5	Trúng tuyển NV2		
124	Lý Thị	Trao	27/09/1987	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Sinh học	THCS Chu Văn An	Lâm Thượng			71,5	76,5	Không trúng tuyển		
125	Hoàng Thị Minh	Hằng	25/05/1995	Nữ	Kinh			Đại học	Sinh học	THCS Chu Văn An	Lâm Thượng			60,0	60,0	Không trúng tuyển		
126	Nguyễn Thị	Hạnh	02/08/1991	Nữ	Kinh			Đại học	Sinh học	THCS Chu Văn An	Lâm Thượng	TH&THCS số 2 Cẩm Nhân	Cẩm Nhân	59,5	59,5	Không trúng tuyển		
127	Phạm Thị	Thư	04/08/1988	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Sinh học	THCS Hạnh Sơn	Cầu Thia			58,0	63,0	Trúng tuyển NV1		
128	Hứa Thị	Mai	27/08/1988	Nữ	Kinh			Đại học	Sinh học	THCS Hạnh Sơn	Cầu Thia			62,5	62,5	Không trúng tuyển		
129	Vũ Thị	Hiền	10/09/1994	Nữ	Kinh			Đại học	Sinh học	THCS Hạnh Sơn	Cầu Thia	TH&THCS số 2 Hồng Ca	Hưng Khánh	57,5	57,5	Không trúng tuyển		
130	Lỗ Thế	Mới	05/05/1995	Nữ	Bồ Y	DTTS	5	Đại học	Sinh học	THCS Lũng Vai	Bản Lầu	THCS Bắc Hà	Bắc Hà	67,5	72,5	Trúng tuyển NV1		
131	Trần Thị	Nhung	24/05/1988	Nữ	Kinh			Đại học	Sinh học	THCS Lũng Vai	Bản Lầu			72,0	72,0	Không trúng tuyển		
132	Vang Thị	Sinh	14/11/1991	Nữ	Giáy	DTTS	5	Đại học	Sinh học	THCS Lũng Vai	Bản Lầu			57,5	62,5	Không trúng tuyển		
133	Lương Vũ	Thắng	25/12/1990	Nam	Thái	DTTS	5	Đại học	Sinh học	THCS số 1 Võ Lao	Võ Lao	TH&THCS Vĩnh Yên	Nghĩa Đô	85,5	90,5	Trúng tuyển NV1		
134	Đặng Thị	Thom	12/10/1993	Nữ	Dao	DTTS	5	Đại học	Sinh học	THCS số 1 Võ Lao	Võ Lao	THCS Sứ Pán	Tả Van	68,5	73,5	Trúng tuyển NV2		
135	Vũ Như	Quỳnh	25/01/1990	Nữ	Kinh			Đại học	Sinh học	THCS số 1 Võ Lao	Võ Lao	TH&THCS Thanh Phú	Mường Bo	69,5	69,5	Không trúng tuyển		
136	Hoàng Huyền	Trang	12/10/1989	Nữ	Nùng	DTTS	5	Đại học	Sinh học	THCS số 1 Võ Lao	Võ Lao	TH&THCS Thanh Phú	Mường Bo	59,5	64,5	Không trúng tuyển		
137	Hà Thị	Diệu	21/11/1986	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	KHTN	PTDTBT THCS Lý Tự Trọng	Nậm Cò	TH&THCS Tân Lĩnh	Tân Lĩnh	74,0	79,0	Trúng tuyển NV1		
138	Nguyễn Thành	Trung	25/04/2002	Nam	Kinh			Đại học	KHTN	TH&THCS Minh Quân	Ấu Lâu	TH&THCS Châu Quế Thượng	Châu Quế	74,5	74,5	Trúng tuyển NV1		
139	Vũ Thị Mai	Anh	22/11/2002	Nữ	Kinh			Đại học	KHTN	TH&THCS số 1 Hồng Ca	Hưng Khánh	THCS Cát Thịnh	Cát Thịnh	65,5	65,5	Trúng tuyển NV1		
140	Hoàng Thị	Thiểm	17/01/1992	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	KHTN	TH&THCS Vũ Linh	Thác Bà	THCS Yên Thành	Yên Thành	70,0	75,0	Trúng tuyển NV1		
141	Phạm Anh	Vân	08/02/1987	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	KHTN	TH&THCS Vũ Linh	Thác Bà	TH&THCS Phúc An	Yên Thành	63,0	68,0	Trúng tuyển NV1		
142	Ngô Thị	Bắc	18/08/2001	Nữ	Kinh			Đại học	KHTN	THCS Mậu A	Mậu A			89,5	89,5	Trúng tuyển NV1		
143	Có Thị	Chín	11/09/1993	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	PTDTBT TH&THCS Bàn Phụng	Bản Hò	62,5	67,5	Trúng tuyển NV1		
144	Nguyễn Thị	Tĩnh	09/05/1990	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	PTDTBT THCS Thảo Chư Phìn	Sín Chéng	63,0	63,0	Trúng tuyển NV1		
145	Lộc Thị	Mến	17/05/1993	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	PTDTBT TH&THCS Lăng Nhì	Phình Hồ			77,5	82,5	Trúng tuyển NV1		

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Ưu tiên		Trình độ đào tạo	Vị trí dự tuyển	Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm thi	Điểm xét tuyển	Kết quả	Tên trường trúng tuyển sau sắp xếp (nếu có thay đổi tên trường)	Ghi chú
						ĐT	Điểm			Tên trường	Xã/phường	Tên trường	Xã/phường					
146	Đinh Thùy	Dung	07/01/2003	Nữ	Mường	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	PTDTBT TH&THCS Làng Nhi	Phình Hồ	THCS Lâm Giang	Lâm Giang	72,0	77,0	Trúng tuyển NV1		
147	Hoàng Thị Huyền	Huyền	02/05/1992	Nữ	Thái	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	PTDTBT TH&THCS Làng Nhi	Phình Hồ			57,5	62,5	Không trúng tuyển		
148	Hoàng Thị Hiền	Hiền	09/01/1994	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	PTDTBT TH&THCS Chiềng Ken	Chiềng Ken	THCS Dương Quý	Dương Quý	85,0	90,0	Trúng tuyển NV1		
149	Phạm Thị Hằng	Hằng	08/07/2000	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	PTDTBT THCS Chiềng Ken	Chiềng Ken	THCS Dương Quý	Dương Quý	85,5	85,5	Trúng tuyển NV2		
150	Lương Thùy Linh	Linh	11/02/2002	Nữ	Thái	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	PTDTBT THCS Cốc Lầu	Cốc Lầu	THCS Nậm Môn	Bắc Hà	72,0	77,0	Trúng tuyển NV1		
151	Đặng Thị Phương Thảo	Thảo	15/10/2003	Nữ	Dao	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	PTDTBT THCS Mỏ Vàng	Mỏ Vàng	TH&THCS Tân Hợp	Tân Hợp	73,0	78,0	Trúng tuyển NV1		
152	Bùi Thị Huệ	Huệ	10/10/1991	Nữ	Mường	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	PTDTBT THCS Nậm Khắt	Púng Luông	THCS Cán Cầu	Sì Ma Cai	84,5	89,5	Trúng tuyển NV1		
153	Nông Thị Dung	Dung	26/04/2003	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	PTDTBT THCS Nậm Khắt	Púng Luông	PTDTBT TH&THCS Làng Nhi	Phình Hồ	82,0	87,0	Trúng tuyển NV1		
154	Nguyễn Hữu Dung	Dung	30/01/1994	Nam	Kinh			Đại học	Ngữ văn	PTDTBT THCS Nậm Khắt	Púng Luông	PTDTBT TH&THCS Dế Xu Phình	Púng Luông	77,5	77,5	Trúng tuyển NV1		
155	Tráng Sử Lan	Lan	14/03/1997	Nữ	Pa Di	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	PTDTBT THCS Nậm Lư	Mường Khương			63,5	68,5	Trúng tuyển NV1	PTDTBT TH&THCS Nậm Lư	
156	Nguyễn Thái Hào	Hào	12/06/2003	Nam	Kinh			Đại học	Ngữ văn	PTDTBT THCS Nậm Lư	Mường Khương			67,0	67,0	Không trúng tuyển		
157	Vàng Thị Ngoan	Ngoan	23/03/1993	Nữ	Giáy	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	PTDTBT THCS Nậm Lư	Mường Khương	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	61,5	66,5	Không trúng tuyển		
158	Mai Thị Thoan	Thoan	12/11/1991	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	PTDTBT THCS Tân Tiến	Nghĩa Đô	PTDTBT THCS Cốc Lầu	Cốc Lầu	57,5	62,5	Trúng tuyển NV1		
159	Hoàng Thị Như Lua	Lua	19/02/1994	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	PTDTBT THCS Tân Tiến	Nghĩa Đô	TH&THCS An Lạc	Khánh Hòa	53,0	58,0	Trúng tuyển NV2		
160	Ma Thị Dung	Dung	05/08/1993	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	TH&THCS An Phú	Mường Lai	THCS Đông Quan	Khánh Hòa	62,5	67,5	Trúng tuyển NV1		
161	Hoàng Thị Hạnh	Hạnh	02/04/1992	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	TH&THCS An Phú	Mường Lai	TH&THCS Minh Tiến số 1	Mường Lai	60,0	65,0	Trúng tuyển NV1		
162	Trần Hằng Lê	Lê	07/09/2003	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	TH&THCS Bàn Xèo	Bàn Xèo	PTDTBT TH&THCS Bàn Phụng	Bàn Hồ	62,5	62,5	Trúng tuyển NV1		
163	Vũ Thị Khánh Ly	Ly	01/10/2003	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	TH&THCS Đào Thịnh	Trần Yên	TH&THCS Yên Phú	Xuân Ái	85,0	85,0	Trúng tuyển NV1		
164	Đinh Thị Mai Chi	Chi	18/10/2003	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	TH&THCS Đào Thịnh	Trần Yên	THCS Quang Trung	Yên Bái	83,0	83,0	Không trúng tuyển		
165	Hán Thị Hiền	Hiền	26/07/2002	Nữ	Nùng	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	TH&THCS Đào Thịnh	Trần Yên	THCS Đông Quan	Khánh Hòa	75,0	80,0	Không trúng tuyển		
166	Trịnh Thanh Nga	Nga	15/04/1985	Nữ	Nùng	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	TH&THCS Đào Thịnh	Trần Yên	TH&THCS Tuy Lộc	Nam Cường	74,5	79,5	Không trúng tuyển		
167	Phan Thị Thuận	Thuận	24/09/1996	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	TH&THCS Đông An	Đông Cuông	PTDTBT THCS An Lương	Mỏ Vàng	79,5	79,5	Trúng tuyển NV1		
168	Sầm Thị Thu Huyền	Huyền	22/03/2003	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	TH&THCS Đông An	Đông Cuông	THCS Lâm Giang	Lâm Giang	66,0	71,0	Trúng tuyển NV1		
169	Vũ Thị Thu Duyên	Thu	18/02/1991	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	TH&THCS Đông An	Đông Cuông	TH&THCS Đông Cuông	Đông Cuông	33,5	33,5	Không trúng tuyển		
170	Trần Thị Duyệt	Duyệt	20/11/1990	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	TH&THCS Đông Cuông	Đông Cuông	TH&THCS Đông An	Đông Cuông	68,5	73,5	Trúng tuyển NV1	THCS Đông Cuông	
171	Nguyễn Thị Huyền Trang	Trang	06/02/1996	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	TH&THCS Giới Phiên	Ấu Lâu	TH&THCS Tân Thịnh	Văn Phú	70,5	70,5	Trúng tuyển NV1		
172	Nguyễn Hồng Ngọc	Ngọc	30/07/2002	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	TH&THCS Lý Tự Trọng	Nghĩa Lộ	TH&THCS Thạch Lương	Cầu Thia	76,5	76,5	Trúng tuyển NV1	THCS Nghĩa Lộ	
173	Phan Thị Châu	Châu	06/06/1992	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	TH&THCS Lý Tự Trọng	Nghĩa Lộ	TH&THCS Nguyễn Quang Bích	Nghĩa Lộ	65,5	65,5	Trúng tuyển NV1	THCS Nghĩa Lộ	
174	Hà Thị Miến	Miến	20/10/1989	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	TH&THCS Phong Dụ Hạ	Phong Dụ Hạ	TH&THCS Xuân Tâm	Phong Dụ Hạ	58,0	63,0	Trúng tuyển NV1	THCS Phong Dụ Hạ	
175	Cầm Thị Hằng	Hằng	10/10/1991	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	TH&THCS Quang Minh	Đông Cuông	TH&THCS Đông An	Đông Cuông	66,5	71,5	Trúng tuyển NV1	THCS Đông Cuông	
176	Lê Thị Thu Huyền	Huyền	25/06/2000	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	TH&THCS số 1 Cầm Nhân	Cầm Nhân	TH&THCS Ngọc Chấn	Cầm Nhân	91,0	96,0	Trúng tuyển NV1		
177	Sa Thị Điện	Điện	08/07/1992	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	TH&THCS Suối Bù	Văn Chấn	THCS Sơn Thịnh	Văn Chấn	73,0	78,0	Trúng tuyển NV1		
178	Đặng Thị Lành	Lành	14/06/1984	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	TH&THCS Tà Ngáo	Bát Xát	THCS Kim Tân	Lào Cai	63,0	63,0	Trúng tuyển NV1	TH&THCS Bàn Qua	
179	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	Ngân	15/05/1990	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	TH&THCS Tân Thịnh	Văn Phú	THCS Quang Trung	Yên Bái	84,5	84,5	Trúng tuyển NV1		
180	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Nguyệt	11/10/2003	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	TH&THCS Tân Thịnh	Văn Phú	THCS Quang Trung	Yên Bái	68,0	68,0	Không trúng tuyển		
181	Vương Huyền Thương	Thương	30/09/1986	Nữ	Nùng	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	TH&THCS Tô Mậu	Khánh Hòa	PTDTBT TH&THCS Bàn Công	Hạnh Phúc	59,0	64,0	Trúng tuyển NV1		
182	Hoàng Minh Dị	Dị	10/10/1993	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	TH&THCS Tô Mậu	Khánh Hòa	TH&THCS Vĩnh Lạc	Mường Lai	51,0	56,0	Trúng tuyển NV2		
183	Phạm Thị Thu Thảo	Thảo	06/07/2002	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	TH&THCS Tuy Lộc	Nam Cường	TH&THCS Tân Thịnh	Văn Phú	89,0	89,0	Trúng tuyển NV1		
184	Trần Thị Thu Hương	Hương	25/11/1992	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	TH&THCS Tuy Lộc	Nam Cường	TH&THCS Giới Phiên	Ấu Lâu	51,0	51,0	Không trúng tuyển		
185	Sinh Thị Hoa	Hoa	05/10/1994	Nữ	Lô Lô	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	THCS Bàn Lầu	Bàn Lầu	PTDTBT THCS Nậm Lư	Mường Khương	52,0	57,0	Trúng tuyển NV1		
186	Phạm Thị Hoài Thu	Thu	14/10/2003	Nữ	Nùng	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	THCS Bảo Ái	Bảo Ái	TH&THCS Tân Nguyên	Bảo Ái	78,5	83,5	Trúng tuyển NV1		
187	Trần Thị Hạnh	Hạnh	23/05/1995	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	THCS Bảo Ái	Bảo Ái	TH&THCS Đông An	Đông Cuông	81,5	81,5	Trúng tuyển NV1		
188	Vương Thị Thủy	Thủy	21/01/1996	Nữ	Cao Lan	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	THCS Bảo Ái	Bảo Ái	TH&THCS Tân Nguyên	Bảo Ái	70,5	75,5	Trúng tuyển NV2		
189	Nguyễn Thị Thanh Nga	Nga	21/12/1994	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	THCS Bảo Ái	Bảo Ái	PTDTBT THCS An Lương	Mỏ Vàng	60,0	60,0	Trúng tuyển NV2		
190	Hoàng Thị Hà	Hà	23/07/1992	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	THCS Bảo Ái	Bảo Ái	TH&THCS Đông An	Đông Cuông	0,0	0,0	Không trúng tuyển		Bỏ thi
191	Nguyễn Thị Hòa	Hòa	14/07/1997	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	THCS Châu Quế Hạ	Châu Quế	TH&THCS Phong Dụ Hạ	Phong Dụ Hạ	62,5	62,5	Trúng tuyển NV1		
192	Hà Phạm Khánh Ly	Ly	17/04/2003	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	THCS Đông Quan	Khánh Hòa	THCS Bảo Ái	Bảo Ái	79,0	79,0	Trúng tuyển NV1		
193	Khổng Thị Thu Thủy	Thủy	15/08/1991	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	THCS Đông Quan	Khánh Hòa	TH&THCS Phong Dụ Hạ	Phong Dụ Hạ	67,0	67,0	Trúng tuyển NV1		
194	Hứa Thị Huệ	Huệ	15/04/2003	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	THCS Dương Quý	Dương Quý	PTDTBT THCS Chiềng Ken	Chiềng Ken	73,5	78,5	Trúng tuyển NV1		
195	Bạc Thị Anh	Anh	11/03/1994	Nữ	Thái	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	THCS Kim Đồng	Sa Pa	TH&THCS Cầu Mây	Sa Pa	83,0	88,0	Trúng tuyển NV1		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Ưu tiên		Trình độ đào tạo	Vị trí dự tuyển	Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm thi	Điểm xét tuyển	Kết quả	Tên trường trúng tuyển sau sắp xếp (nếu có thay đổi tên trường)	Ghi chú
					ĐT	Điểm			Tên trường	Xã/phường	Tên trường	Xã/phường					
196	Phạm Thị Thủy Đạt	30/01/1993	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	THCS Kim Đồng	Sa Pa	TH&THCS Cầu Máy	Sa Pa	82,0	82,0	Trúng tuyển NV2		
197	Phạm Huyền Trang	03/04/2001	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	THCS Kim Tân	Lào Cai	THCS Pom Hán	Cam Đường	74,0	74,0	Trúng tuyển NV1		
198	Hoàng Văn Duy	01/07/1995	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	THCS Lê Hồng Phong	Lục Yên	THCS Mậu A	Mậu A	54,5	59,5	Trúng tuyển NV1		
199	Vũ Thị Thảo Nguyễn	04/07/1997	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	THCS Mậu A	Mậu A	THCS An Thịnh	Mậu A	73,5	73,5	Trúng tuyển NV1		
200	Tài Sào Lương	04/01/1993	Nam	Nùng	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	THCS Nậm Mòn	Bắc Hà			78,5	83,5	Trúng tuyển NV1		
201	Nguyễn Như Hạnh	27/09/2003	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	THCS Phù Nham	Trung Tâm	TH&THCS Lý Tư Trọng	Nghĩa Lộ	74,0	74,0	Trúng tuyển NV1		
202	Nguyễn Phương Thủy	17/12/2003	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	THCS Quang Trung	Yên Bái	TH&THCS Lý Tư Trọng	Nghĩa Lộ	79,0	79,0	Trúng tuyển NV1		
203	Vi Thị Thu Uyên	27/09/2003	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	THCS Quang Trung	Yên Bái	TH&THCS Cầm Ân	Bảo Ái	50,5	55,5	Không trúng tuyển		
204	Ly Thị Hoa Cúc	05/09/1996	Nữ	Mông	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	THCS Sín Chéng	Sín Chéng	THCS Cán Cấu	Si Ma Cai	71,5	76,5	Trúng tuyển NV1		
205	Vàng Seo Hòa	10/02/1989	Nam	Mông	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	THCS Sín Chéng	Sín Chéng	THCS Nậm Mòn	Bắc Hà	65,5	70,5	Trúng tuyển NV1		
206	Vàng Văn Cương	20/12/1994	Nam	Nùng	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	THCS Sín Chéng	Sín Chéng	THCS Cán Cấu	Si Ma Cai	56,0	61,0	Trúng tuyển NV2		
207	Nguyễn Thị Tuyết	18/06/1993	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	THCS Sín Chéng	Sín Chéng	PTDTBT TH&THCS Đèn Sáng	Đèn Sáng	69,0	69,0	Không trúng tuyển		
208	Tô Văn Khánh	18/04/1997	Nam	Tây	TTS, NV	5	Đại học	Ngữ văn	THCS Sín Chéng	Sín Chéng			62,0	67,0	Không trúng tuyển		
209	Nguyễn Thành Trung	23/03/1979	Nam	Kinh			Đại học	Ngữ văn	THCS Sín Chéng	Sín Chéng	THCS Cán Cấu	Si Ma Cai	60,5	60,5	Không trúng tuyển		
210	Hoàng Thị Huyền	16/10/1994	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	THCS Sín Chéng	Sín Chéng	THCS Dương Quý	Dương Quý		0,0	Không trúng tuyển		Bỏ thi
211	Sầm Thị Thoa	28/08/1997	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	THCS Sín Chéng	Sín Chéng	PTDTBT THCS Tân Tiến	Nghĩa Đô		0,0	Không trúng tuyển		Bỏ thi
212	Nguyễn Ngọc Anh	19/09/2000	Nữ	Mường	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	THCS Sơn Thịnh	Văn Chấn	TH&THCS Suối Giàng	Văn Chấn	54,0	59,0	Trúng tuyển NV1		
213	Tô Thị Diệp	01/07/1991	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	THCS Trần Phú	Thương Bằng La	TH&THCS Thương Bằng La	Thương Bằng La	70,0	75,0	Trúng tuyển NV1		
214	Phùng Thủy Linh	20/08/1994	Nữ	Dao (Mán)	DTTS	5	Đại học	Ngữ văn	THCS Trần Phú	Thương Bằng La	TH&THCS Thương Bằng La	Thương Bằng La	71,5	76,5	Trúng tuyển NV1		
215	Nguyễn Thị Mỹ Linh	15/12/2003	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	THCS Yên Ninh	Yên Bái	TH&THCS Tân Thịnh	Văn Phú	82,5	82,5	Trúng tuyển NV1		
216	Phạm Thị Ngọc Mai	25/01/1995	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	THCS Yên Ninh	Yên Bái	TH&THCS Tuy Lộc	Nam Cường	81,0	81,0	Không trúng tuyển		
217	Nguyễn Thị Huyền Trang	08/05/1991	Nữ	Kinh			Đại học	Ngữ văn	THCS Yên Ninh	Yên Bái	TH&THCS Tân Thịnh	Văn Phú	69,5	69,5	Không trúng tuyển		
218	Lò Văn Quý	24/11/1988	Nam	Thái	DTTS	5	Đại học	Lịch sử	PTDTBT TH&THCS Dê Xu Phình	Púng Luông	PTDTBT TH&THCS La Pán Tản	Púng Luông	60,5	65,5	Trúng tuyển NV1		
219	Điều Thị Nghê	26/04/2003	Nữ	Thái	DTTS	5	Đại học	Lịch sử	PTDTBT TH&THCS La Pán Tản	Púng Luông	PTDTBT THCS Nậm Khắt	Púng Luông	75,5	80,5	Trúng tuyển NV1		
220	Lù A Trừ	05/06/1994	Nam	Hmông	DTTS	5	Đại học	Lịch sử	PTDTBT TH&THCS La Pán Tản	Púng Luông	PTDTBT TH&THCS Dê Xu Phình	Púng Luông	51,5	56,5	Không trúng tuyển		
221	Lùng Lưu Cường	14/10/1986	Nam	Nùng	DTTS	5	Đại học	Lịch sử	PTDTBT TH&THCS Mỏ Dề	Mù Cang Chải	PTDTBT THCS Nậm Khắt	Púng Luông	57,5	62,5	Trúng tuyển NV1		
222	Triệu Văn Ốc	17/05/1988	Nam	Dao	DTTS	5	Đại học	Lịch sử	PTDTBT TH&THCS Phình Hồ	Phình Hồ	THCS Minh An	Nghĩa Tâm	61,5	66,5	Trúng tuyển NV1		Nguyễn vọng 2 đăng ký trường không có chi tiêu
223	Mã Văn Tiên	25/09/1994	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	Lịch sử	PTDTBT TH&THCS Phình Hồ	Phình Hồ	TH&THCS Sơn A	Liên Sơn		0,0	Không trúng tuyển		Bỏ thi
224	Đình Thị Thủy Hương	22/06/1991	Nữ	Mường	DTTS	5	Đại học	Lịch sử	PTDTBT TH&THCS Cao Sơn	Cao Sơn	TH&THCS số 2 Phúc Khánh	Phúc Khánh	80,0	85,0	Trúng tuyển NV1	PTDTBT TH&THCS Cao Sơn	
225	Giàng A Giông	20/03/2002	Nam	Mông	DTTS	5	Đại học	Lịch sử	PTDTBT THCS Nậm Khắt	Púng Luông	PTDTBT TH&THCS La Pán Tản	Púng Luông	68,5	73,5	Trúng tuyển NV1		
226	Vàng Thị Thắm	01/04/1992	Nữ	Nùng	DTTS	5	Đại học	Lịch sử	PTDTBT THCS Pha Long	Pha Long			72,5	77,5	Trúng tuyển NV1		
227	Nguyễn Thị Kim Hạnh	23/06/2001	Nữ	Kinh			Đại học	Lịch sử	PTDTBT THCS Pha Long	Pha Long	PTDTBT THCS Tà Giàng Phình	Ngũ Chi Sơn		0,0	Không trúng tuyển		Bỏ thi
228	Hà Thị Cẩm	02/10/1990	Nữ	Mường	DTTS	5	Đại học	Lịch sử	PTDTBT THCS Tà Giàng Phình	Ngũ Chi Sơn	PTDTBT THCS Lũng Khẩu Ninh	Cao Sơn	54,0	59,0	Trúng tuyển NV1		
229	Lò A Cánh	20/05/1997	Nam	Mông	DTTS	5	Đại học	Lịch sử	PTDTBT THCS Tà Giàng Phình	Ngũ Chi Sơn	PTDTBT THCS Cao Sơn	Cao Sơn	53,0	58,0	Không trúng tuyển		
230	Lý Quốc Toàn	27/10/1992	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	Lịch sử	PTDTBT THCS Trinh Tường	Trình Tường	PTDTBT THCS Tà Giàng Phình	Ngũ Chi Sơn	64,5	69,5	Trúng tuyển NV1		
231	Nguyễn Thị Mai Hương	18/08/1995	Nữ	Kinh			Đại học	Lịch sử	TH&THCS Đông Cuông	Đông Cuông	TH&THCS số 1 Y Can	Quy Mông	72,0	72,0	Trúng tuyển NV1	THCS Đông Cuông	
232	Nguyễn Thị Bích Lan	23/02/1990	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Lịch sử	TH&THCS Đông Cuông	Đông Cuông	TH&THCS Xuân Tâm	Phong Dụ Hạ	50,5	55,5	Không trúng tuyển		
233	Hoàng Bình Cảnh	11/03/1987	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	Lịch sử	TH&THCS Khánh Hòa	Khánh Hòa	TH&THCS số 2 Cầm Nhân	Cầm Nhân	53,5	58,5	Trúng tuyển NV1		
234	Hà Tiến Thù	16/04/1990	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	Lịch sử	TH&THCS Khánh Hòa	Khánh Hòa	TH&THCS số 2 Phúc Khánh	Phúc Khánh	11,0	11,0	Không trúng tuyển		
235	Lý Thị Tiến	13/01/2001	Nữ	Dao	DTTS	5	Đại học	Lịch sử	TH&THCS Kiên Thành	Quy Mông	TH&THCS Xuân Tâm	Phong Dụ Hạ	81,0	86,0	Trúng tuyển NV1		
236	Đình Thị Nguyệt	24/01/1986	Nữ	Kinh			Đại học	Lịch sử	TH&THCS Mai Sơn	Lâm Thượng	TH&THCS Khánh Hòa	Khánh Hòa	61,5	61,5	Trúng tuyển NV1		
237	Cù Thị Thu Thủy	04/08/1995	Nữ	Kinh			Đại học	Lịch sử	TH&THCS số 1 Y Can	Quy Mông	TH&THCS Đông Cuông	Đông Cuông	60,5	60,5	Trúng tuyển NV1	TH&THCS Y Can	
238	Phùng Thị Ngọc Anh	04/11/1994	Nữ	Kinh			Đại học	Lịch sử	TH&THCS số 1 Y Can	Quy Mông	TH&THCS Văn Hội	Việt Hồng	60,0	60,0	Không trúng tuyển		
239	Hoàng Thị Tương	16/01/1995	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Lịch sử	TH&THCS số 2 Cầm Nhân	Cầm Nhân	TH&THCS Khánh Hòa	Khánh Hòa	84,0	89,0	Trúng tuyển NV1		
240	Hoàng Thị Huệ	28/11/1991	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Lịch sử	TH&THCS số 2 Cầm Nhân	Cầm Nhân	TH&THCS Phúc Ninh	Yên Thành	55,0	60,0	Không trúng tuyển		Nguyễn vọng 2 đăng ký trường không có chi tiêu
241	Hà Đình Nam	20/05/1997	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	Lịch sử	TH&THCS Văn Hội	Việt Hồng	TH&THCS Sơn A	Liên Sơn	67,5	72,5	Trúng tuyển NV1		
242	Hoàng Văn Hải	05/02/1987	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	Lịch sử	TH&THCS Văn Hội	Việt Hồng	TH&THCS số 1 Y Can	Quy Mông	67,0	72,0	Không trúng tuyển		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Ưu tiên		Trình độ đào tạo	Vị trí dự tuyển	Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm thi	Điểm xét tuyển	Kết quả	Tên trường trúng tuyển sau sắp xếp (nếu có thay đổi tên trường)	Ghi chú
					ĐT	Điểm			Tên trường	Xã/phường	Tên trường	Xã/phường					
243	Nguyễn Thị Châu	27/10/1991	Nữ	Dao	DTTS	5	Đại học	Lịch sử	TH&THCS Văn Hội	Việt Hồng	TH&THCS Đồng Cuông	Đồng Cuông	51,0	56,0	Không trúng tuyển		
244	Đào Hiền	11/09/2002	Nam	Kinh			Đại học	Lịch sử	TH&THCS Văn Hội	Việt Hồng	TH&THCS Kiên Thành	Quy Mông	54,5	54,5	Không trúng tuyển		
245	Trần Nhật Duy	08/12/2001	Nam	Kinh			Đại học	Lịch sử	TH&THCS Xuân Tâm	Phong Dụ Hạ	TH&THCS Văn Hội	Việt Hồng	69,5	69,5	Trúng tuyển NV1	THCS Phong Dụ Hạ	
246	Bùi Thị Hiệp	05/10/1987	Nữ	Mường	DTTS	5	Đại học	Lịch sử	TH&THCS Yên Thắng	Lục Yên	PTDTBT TH&THCS Phình Hồ	Phình Hồ	56,5	61,5	Trúng tuyển NV1		
247	Nông Thị Thanh Huyền	11/03/1993	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Lịch sử	THCS Lê Hồng Phong	Lục Yên	THCS Nguyễn Thái Học	Lục Yên	68,0	73,0	Trúng tuyển NV1		
248	Nguyễn Đức Mạnh	21/05/2003	Nam	Kinh			Đại học	Lịch sử	THCS Lê Hồng Phong	Yên Bái	THCS Quang Trung	Yên Bái	64,0	64,0	Trúng tuyển NV1		
249	Vi Văn Kiều	13/02/1987	Nam	Nùng	DTTS	5	Đại học	Lịch sử	THCS Nguyễn Thái Học	Lục Yên	TH&THCS Mai Sơn	Lâm Thượng	59,5	64,5	Trúng tuyển NV1		
250	Lê Thị Phương Thảo	18/07/1994	Nữ	Kinh			Đại học	Lịch sử	THCS Phù Nham	Trung Tâm	TH&THCS Sơn A	Liên Sơn	53,5	53,5	Trúng tuyển NV1		
251	Trương Quỳnh Trang	31/03/2001	Nữ	Kinh			Đại học	Lịch sử	THCS Quang Trung	Yên Bái	THCS Yên Ninh	Yên Bái	62,5	62,5	Trúng tuyển NV1		
252	Nguyễn Thị Thủy	14/07/1996	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Lịch sử	THCS số 1 Võ Lao	Võ Lao	THCS Tân Thượng	Bảo Hà	65,5	70,5	Trúng tuyển NV1		
253	Lương Thị Luận	19/02/1989	Nữ	Kinh			Đại học	Lịch sử	THCS Tân Thượng	Bảo Hà	THCS số 1 Võ Lao	Võ Lao	75,5	75,5	Trúng tuyển NV1		
254	Nguyễn Phương Lam	08/10/1997	Nữ	Kinh			Đại học	Lịch sử	THCS Yên Ninh	Yên Bái	THCS Lê Hồng Phong	Yên Bái	82,0	82,0	Trúng tuyển NV1		
255	Nguyễn Thị Thanh Liễu	07/12/1993	Nữ	Kinh			Đại học	Lịch sử	THCS Yên Ninh	Yên Bái	THCS Quang Trung	Yên Bái	52,0	52,0	Không trúng tuyển		
256	Tân A Ngọc	08/04/1985	Nam	Dao	DTTS	5	Đại học	Địa lý	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	PTDTBT TH&THCS Ngòi Thấu	Y Tý	64,0	69,0	Trúng tuyển NV1		
257	Nguyễn Xuân Chương	06/02/1995	Nam	Kinh			Đại học	Địa lý	PTDTBT TH&THCS Ngòi Thấu	Y Tý	PTDTBT THCS Thanh Bình	Mường Khương	68,0	68,0	Trúng tuyển NV1		
258	Sông A Vi	20/09/1996	Nam	Móng	DTTS	5	Đại học	Địa lý	PTDTBT TH&THCS Ngòi Thấu	Y Tý	PTDTBT TH&THCS La Pán Tán	Púng Luông	50,5	55,5	Trúng tuyển NV2		
259	Lò Thị Xuân	01/01/2003	Nữ	Thái	DTTS	5	Đại học	Địa lý	PTDTBT THCS Tá Giàng Phình	Ngũ Chi Sơn	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	65,0	70,0	Trúng tuyển NV1		
260	Nguyễn Thị Hồng	19/05/1998	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Địa lý	PTDTBT THCS Thanh Bình	Mường Khương	TH&THCS Chợ Chậu	Bản Lầu	79,0	84,0	Trúng tuyển NV1		
261	Hà Vinh Quang	23/09/2002	Nam	Thái	DTTS	5	Đại học	Địa lý	PTDTBT THCS Trung Chải	Tả Phìn	TH&THCS Nậm Càng	Mường Bo	56,5	61,5	Trúng tuyển NV1		
262	Sùng A Sừ	20/05/1996	Nam	Móng	DTTS	5	Đại học	Địa lý	PTDTBT THCS Trung Chải	Tả Phìn	PTDTBT THCS Tá Giàng Phình	Ngũ Chi Sơn	20,5	20,5	Không trúng tuyển		
263	Mùa Ngọc Mai	14/02/2003	Nữ	Móng	DTTS	5	Đại học	Địa lý	PTDTNT THCS Trám Tấu	Hạnh Phúc	THCS&THPT Nghĩa Tâm	Nghĩa Tâm	65,5	70,5	Trúng tuyển NV1		Nguyễn vọng 2 đăng ký trường khác cấp học, không phù hợp
264	Hoàng Thị Hương Diễm	02/06/1990	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Địa lý	TH&THCS An Lạc	Khánh Hòa	TH&THCS Chợ Chậu	Bản Lầu	76,5	81,5	Trúng tuyển NV1		
265	Hoàng Thị Khuyến	10/10/1989	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Địa lý	TH&THCS An Lạc	Khánh Hòa	THCS Động Quan	Khánh Hòa	65,5	70,5	Không trúng tuyển		
266	Nông Thị Hoa	25/12/1993	Nữ	Nùng	DTTS	5	Đại học	Địa lý	TH&THCS An Lạc	Khánh Hòa	THCS Động Quan	Khánh Hòa	51,0	56,0	Không trúng tuyển		
267	Hoàng Thị Thanh Lan	26/04/1990	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Địa lý	TH&THCS Bạch Hà 2	Thác Bà	PTDTBT THCS Thanh Bình	Mường Khương	72,0	77,0	Trúng tuyển NV1		
268	Trần Thị Diễm	28/11/1997	Nữ	Kinh			Đại học	Địa lý	TH&THCS Bạch Hà 2	Thác Bà	THCS Động Quan	Khánh Hòa	64,5	64,5	Không trúng tuyển		
269	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	27/10/1991	Nữ	Kinh			Đại học	Địa lý	TH&THCS Bạch Hà 2	Thác Bà	TH&THCS Vũ Linh	Thác Bà	59,0	59,0	Không trúng tuyển		Nguyễn vọng 2 đăng ký trường không có chỉ tiêu
270	Đình Thị Thuận	08/03/1993	Nữ	Mường	DTTS	5	Đại học	Địa lý	TH&THCS Cầm Ân	Bảo Ái			68,0	73,0	Trúng tuyển NV1		
271	Nguyễn Thị Thoa	03/07/1991	Nữ	Kinh			Đại học	Địa lý	TH&THCS Chợ Chậu	Bản Lầu	PTDTBT THCS Thanh Bình	Mường Khương	75,5	75,5	Trúng tuyển NV1		
272	Hoàng Hồng Hằng	15/09/1994	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Địa lý	TH&THCS số 2 Cầm Nhân	Cầm Nhân	TH&THCS Bạch Hà 2	Thác Bà	61,0	66,0	Trúng tuyển NV1		
273	Hoàng Thị Ngoan	30/11/1990	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Địa lý	TH&THCS số 2 Y Can	Quy Mông	TH&THCS Việt Hồng	Việt Hồng	79,5	84,5	Trúng tuyển NV1	TH&THCS Y Can	
274	Lò Thị Liên	08/11/1993	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Địa lý	TH&THCS số 2 Y Can	Quy Mông			75,0	80,0	Không trúng tuyển		
275	Nguyễn Thị Huyền Vân	20/04/1991	Nữ	Kinh			Đại học	Địa lý	TH&THCS Sơn A	Liên Sơn			79,0	79,0	Trúng tuyển NV1		
276	Phạm Hồng Thịnh	07/05/1993	Nam	Kinh			Đại học	Địa lý	TH&THCS Sơn A	Liên Sơn			60,5	60,5	Không trúng tuyển		
277	Triệu Thị Lý	01/07/1992	Nữ	Dao	DTTS	5	Đại học	Địa lý	TH&THCS Tân Hợp	Tân Hợp	THCS Lâm Giang	Lâm Giang	72,5	77,5	Trúng tuyển NV1		
278	Thân Thị Hằng	05/06/1990	Nữ	Kinh			Đại học	Địa lý	TH&THCS Tân Hợp	Tân Hợp	TH&THCS Xuân Tâm	Phong Dụ Hạ	66,0	66,0	Trúng tuyển NV2	THCS Phong Dụ Hạ	
279	Phạm Thị Thủy Linh	17/02/2001	Nữ	Kinh			Đại học	Địa lý	TH&THCS Thanh Lương	Cầu Thia	TH&THCS Sơn A	Liên Sơn	79,0	79,0	Trúng tuyển NV1		
280	Phạm Thị Hoa	10/08/1991	Nữ	Kinh			Đại học	Địa lý	TH&THCS Thanh Lương	Cầu Thia	TH&THCS Sơn A	Liên Sơn	71,0	71,0	Không trúng tuyển		
281	Mé Văn Hới	25/07/1992	Nam	Khơ mú	DTTS	5	Đại học	Địa lý	TH&THCS Thanh Lương	Cầu Thia	TH&THCS Sơn A	Liên Sơn	63,0	68,0	Không trúng tuyển		
282	Đỗ Thị Thanh Huyền	22/01/1985	Nữ	Kinh			Đại học	Địa lý	TH&THCS Văn Phú	Văn Phú	THCS Quang Trung	Yên Bái	66,0	66,0	Trúng tuyển NV1		
283	Phạm Thị Liên	13/10/1992	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Địa lý	TH&THCS Việt Hồng	Việt Hồng	TH&THCS Cầm Ân	Bảo Ái	78,5	83,5	Trúng tuyển NV1		
284	Đỗ Thị Thủy Nga	25/01/1992	Nữ	Mường	DTTS	5	Đại học	Địa lý	TH&THCS Việt Hồng	Việt Hồng	TH&THCS Cầm Ân	Bảo Ái	77,5	82,5	Không trúng tuyển		
285	Trần Như Quỳnh	15/08/1998	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Địa lý	TH&THCS Việt Hồng	Việt Hồng	TH&THCS số 2 Y Can	Quy Mông		0,0	Không trúng tuyển		Bỏ thi
286	Vàng Văn Thắng	16/03/1993	Nam	Nùng	DTTS	5	Đại học	Địa lý	THCS Động Quan	Khánh Hòa	TH&THCS An Lạc	Khánh Hòa	80,0	85,0	Trúng tuyển NV1		
287	Lý Thị Hồ	26/05/1985	Nữ	Dao	DTTS	5	Đại học	Địa lý	THCS Động Quan	Khánh Hòa	TH&THCS Cầm Ân	Bảo Ái	77,0	82,0	Không trúng tuyển		
288	Chương Thị Neo	10/10/1994	Nữ	Dao	DTTS	5	Đại học	Địa lý	THCS Dương Quý	Dương Quý	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	67,5	72,5	Trúng tuyển NV1		
289	Nguyễn Thị Hương	09/09/1987	Nữ	Nùng	DTTS	5	Đại học	Địa lý	THCS Lê Hồng Phong	Lục Yên	TH&THCS An Lạc	Khánh Hòa	74,5	79,5	Trúng tuyển NV1		

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Ưu tiên		Trình độ đào tạo	Vị trí dự tuyển	Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm thi	Điểm xét tuyển	Kết quả	Tên trường trúng tuyển sau sắp xếp (nếu có thay đổi tên trường)	Ghi chú
						ĐT	Điểm			Tên trường	Xã/phường	Tên trường	Xã/phường					
290	Nguyễn Thị Thu	Hiền	25/10/1991	Nữ	Kinh			Đại học	Địa lý	THCS Lê Hồng Phong	Lục Yên			52,0	52,0	Không trúng tuyển		
291	Hoàng Thị Giao	Linh	13/07/1993	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Địa lý	THCS Quang Trung	Yên Bái	TH&THCS Văn Phú	Văn Phú	75,5	80,5	Trúng tuyển NV1		
292	Hoàng Thị	Doan	03/11/1993	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Địa lý	THCS Quang Trung	Yên Bái	TH&THCS Hòa Cường	Trần Yên	61,0	66,0	Trúng tuyển NV1		
293	Triệu Thị	Khách	24/07/1992	Nữ	Dao	DTTS	5	Đại học	Địa lý	THCS Sín Chéng	Sín Chéng	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	57,5	62,5	Trúng tuyển NV1		
294	Mai Thị	Hiền	13/06/1993	Nữ	Kinh			Đại học	Địa lý	THCS số 1 Võ Lao	Võ Lao	THCS Dương Quý	Dương Quý	67,5	67,5	Trúng tuyển NV1		
295	Lò Thị Ngọc	Ảnh	08/09/1994	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Địa lý	THCS Trần Phú	Thương Bàng La			77,5	82,5	Trúng tuyển NV1		
296	Bùi Thị Thu	Thùy	14/08/1993	Nữ	Kinh			Đại học	Địa lý	THCS Trần Phú	Thương Bàng La	TH&THCS Sơn A	Liên Sơn	53,5	53,5	Không trúng tuyển		
297	Thần Thị	Loan	20/04/1995	Nữ	Nùng	DTTS	5	Đại học	GDCD	PTDTBT TH&THCS Bán Phụng	Bán Hồ			74,0	79,0	Trúng tuyển NV1		
298	Đặng Hà	Dụng	24/01/1997	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	GDCD	PTDTBT TH&THCS Chế Tạo	Chế Tạo	PTDTBT TH&THCS Hữu Thảo	Tà Van	68,0	73,0	Trúng tuyển NV1		
299	Sông A	Cửa	15/05/1999	Nam	Mông	DTTS	5	Đại học	GDCD	PTDTBT TH&THCS Chế Tạo	Chế Tạo			64,0	69,0	Không trúng tuyển		
300	Sân Ngọc	Dinh	26/05/2003	Nữ	Hà Nhi	DTTS	5	Đại học	GDCD	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	PTDTBT TH&THCS Bán Phụng	Bán Hồ	76,5	81,5	Trúng tuyển NV1		
301	Và A	Dền	19/09/1999	Nam	H'Mông	DTTS	5	Đại học	GDCD	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	PTDTBT TH&THCS Bán Phụng	Bán Hồ	56,5	61,5	Không trúng tuyển		
302	Nguyễn Văn	Vui	08/11/1994	Nam	Thái	DTTS	5	Đại học	GDCD	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	PTDTBT TH&THCS Hữu Thảo	Tà Van	50,0	55,0	Không trúng tuyển		
303	Lương Thị	Ly	16/07/1995	Nữ	Nùng	DTTS	5	Đại học	GDCD	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	PTDTBT THCS Tà Giàng Phình	Ngũ Chi Sơn		0,0	Không trúng tuyển		Bỏ thi
304	Hờ A	Khánh	21/05/1998	Nam	Mông	DTTS	5	Đại học	GDCD	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	PTDTBT TH&THCS Hữu Thảo	Tà Van	50,0	55,0	Không trúng tuyển		NV1 đăng ký trường không có chỉ tiêu
305	Nông Văn	Sang	18/08/1990	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	GDCD	PTDTBT TH&THCS Hữu Thảo	Tà Van	PTDTBT TH&THCS Bán Phụng	Bán Hồ	88,5	93,5	Trúng tuyển NV1		
306	Hoàng Thị	Tin	03/04/2003	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	GDCD	PTDTBT TH&THCS Hữu Thảo	Tà Van	PTDTBT THCS Tà Giàng Phình	Ngũ Chi Sơn	72,5	77,5	Không trúng tuyển		
307	Giảng Thị	Tổng	08/08/1993	Nữ	Mông	DTTS	5	Đại học	GDCD	PTDTBT TH&THCS Khẩu Ly	Phình Hồ	PTDTBT TH&THCS Lăng Nhi	Phình Hồ	80,0	85,0	Trúng tuyển NV1		
308	Sùng A	Hùng	15/10/1995	Nam	Mông	DTTS	5	Đại học	GDCD	PTDTBT TH&THCS Khẩu Ly	Phình Hồ	PTDTBT THCS Nậm Khắt	Púng Luông	69,5	74,5	Trúng tuyển NV1		
309	Mùa A	Tổng	16/08/1993	Nam	Mông	DTTS	5	Đại học	GDCD	PTDTBT TH&THCS Khẩu Ly	Phình Hồ	PTDTBT TH&THCS Lăng Nhi	Phình Hồ	65,0	70,0	Không trúng tuyển		
310	Quảng Văn	Tích	10/02/1994	Nam	Thái	TS, Quân	5	Đại học	GDCD	PTDTBT TH&THCS Khẩu Ly	Phình Hồ	PTDTBT TH&THCS Lăng Nhi	Phình Hồ	62,0	67,0	Không trúng tuyển		
311	Giảng A	Páo	15/01/1993	Nam	H'Mông	DTTS	5	Đại học	GDCD	PTDTBT TH&THCS Lăng Nhi	Phình Hồ	PTDTBT TH&THCS Khẩu Ly	Phình Hồ	78,0	83,0	Trúng tuyển NV1		
312	Hạng A	Sáu	20/03/2000	Nam	Mông	DTTS	5	Đại học	GDCD	PTDTBT TH&THCS Mỏ Dề	Mù Cang Chải	PTDTBT TH&THCS Kim Nội	Mù Cang Chải	60,0	65,0	Trúng tuyển NV1		
313	Đặng Văn	Toán	15/01/1992	Nam	Dao	DTTS	5	Đại học	GDCD	PTDTBT THCS An Lương	Mỏ Vàng	PTDTBT TH&THCS Lăng Nhi	Phình Hồ	59,0	64,0	Trúng tuyển NV1		
314	Lê Thị Mỹ	Duyên	01/08/1996	Nữ	Kinh			Đại học	GDCD	PTDTBT THCS Nậm Khắt	Púng Luông			73,5	73,5	Trúng tuyển NV1		
315	Hờ Thị	Dua	29/05/2003	Nữ	Mông	DTTS	5	Đại học	GDCD	PTDTBT THCS Nậm Khắt	Púng Luông	PTDTBT TH&THCS Khẩu Ly	Phình Hồ	64,5	69,5	Không trúng tuyển		
316	Hồ Thị	Dền	03/05/1998	Nữ	B'ru Vân	DTTS	5	Đại học	GDCD	PTDTBT THCS Phìn Ngan	Bát Xát	PTDTBT TH&THCS Bán Phụng	Bán Hồ	82,5	87,5	Trúng tuyển NV1	PTDTBT TH&THCS Phìn Ngan	
317	Bùi Thị Hồng	Ngọc	03/05/2003	Nữ	Kinh			Đại học	GDCD	PTDTBT THCS Phìn Ngan	Bát Xát	THCS Mậu A	Mậu A	70,5	70,5	Trúng tuyển NV2		
318	Hoàng Thị	Thật	02/01/1997	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	GDCD	PTDTBT THCS Phìn Ngan	Bát Xát	TH&THCS Bán Xèo	Bán Xèo	67,0	72,0	Không trúng tuyển		
319	Hờ A	Cộng	16/04/2001	Nam	Mông	DTTS	5	Đại học	GDCD	PTDTBT THCS Tà Giàng Phình	Ngũ Chi Sơn	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	67,5	72,5	Trúng tuyển NV1		
320	Giảng A	Tổng	01/01/1996	Nam	Mông	DTTS	5	Đại học	GDCD	PTDTBT THCS Tà Giàng Phình	Ngũ Chi Sơn	PTDTBT TH&THCS Mỏ Dề	Mù Cang Chải		0,0	Không trúng tuyển		Bỏ thi
321	Lêng Thúy	Nhi	06/07/1994	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	GDCD	TH&THCS An Phú	Mường Lai	THCS Lang Thíp	Lâm Giang	61,5	66,5	Trúng tuyển NV1		
322	Hoàng Lệ	Thùy	26/07/1995	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	GDCD	TH&THCS Ba Khe	Cát Thịnh	PTDTBT TH&THCS Lăng Nhi	Phình Hồ	96,0	101,0	Trúng tuyển NV1		
323	Lâm Thị Phương	Dung	28/10/1993	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	GDCD	TH&THCS Ba Khe	Cát Thịnh	TH&THCS Kiên Thành	Quy Mông	80,5	85,5	Không trúng tuyển		
324	Vi Lê	Thùy	18/07/1998	Nữ	Thái	DTTS	5	Đại học	GDCD	TH&THCS Ba Khe	Cát Thịnh			70,0	75,0	Không trúng tuyển		
325	Vàng Thị Thu	Hương	14/04/1993	Nữ	Nùng	DTTS	5	Đại học	GDCD	TH&THCS Bán Xèo	Bán Xèo	PTDTBT TH&THCS Hữu Thảo	Tà Van	74,5	79,5	Trúng tuyển NV1		
326	Giảng A	Ly	06/09/1988	Nam	H'Mông	DTTS	5	Đại học	GDCD	TH&THCS Bán Xèo	Bán Xèo	TH&THCS Phong Dụ Hạ	Phong Dụ Hạ	55,5	60,5	Trúng tuyển NV2	THCS Phong Dụ Hạ	
327	Nguyễn Thị	Thảo	23/07/1996	Nữ	Kinh			Đại học	GDCD	TH&THCS Châu Quế Thượng	Châu Quế	THCS Lang Thíp	Lâm Giang	67,5	67,5	Trúng tuyển NV1		
328	Hoàng Đăng	Khoảng	10/12/1988	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	GDCD	TH&THCS Khánh Thiện	Lâm Thượng	TH&THCS Tân Phụng	Lâm Thượng	59,0	64,0	Trúng tuyển NV1		
329	Hà Thị Thu	Phương	20/10/1994	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	GDCD	TH&THCS Kiên Thành	Quy Mông			78,0	83,0	Trúng tuyển NV1		
330	Hà Văn	Huân	05/09/1994	Nam	Mường	DTTS	5	Đại học	GDCD	TH&THCS Kiên Thành	Quy Mông	TH&THCS Viễn Sơn	Xuân Ái	77,0	82,0	Không trúng tuyển		
331	Lâu A	Thành	22/07/1998	Nam	H'Mông	DTTS	5	Đại học	GDCD	TH&THCS Mường Lai	Mường Lai	TH&THCS số 1 Cầm Nhân	Cầm Nhân	61,5	66,5	Trúng tuyển NV1		NV 2 đăng ký trường không có chỉ tiêu
332	Phan Thị	Sơ	04/06/1991	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	GDCD	TH&THCS Tân Phụng	Lâm Thượng	TH&THCS Mường Lai	Mường Lai	78,0	83,0	Trúng tuyển NV1		
333	Hoàng Thị	Châm	12/05/1994	Nữ	Kinh			Đại học	GDCD	TH&THCS Văn Phú	Văn Phú	THCS Quang Trung	Yên Bái	92,0	92,0	Trúng tuyển NV1		
334	Doãn Thanh	Uyên	27/09/1985	Nữ	Kinh			Đại học	GDCD	TH&THCS Viễn Sơn	Xuân Ái	TH&THCS Phong Dụ Hạ	Phong Dụ Hạ	77,0	77,0	Trúng tuyển NV1		
335	Phạm Thị Thu	Thủy	07/09/1993	Nữ	Kinh			Đại học	GDCD	TH&THCS Vĩnh Kiên	Thác Bà	TH&THCS Viễn Sơn	Xuân Ái		0,0	Không trúng tuyển		Bỏ thi
336	Hoàng Thị Bích	Chuyên	21/07/1993	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	GDCD	TH&THCS Vĩnh Lạc	Mường Lai	TH&THCS số 2 Cầm Nhân	Cầm Nhân	82,5	87,5	Trúng tuyển NV1		
337	Hồ Hữu	Thành	04/04/1988	Nam	Kinh			Đại học	GDCD	THCS Quang Trung	Yên Bái	TH&THCS Văn Phú	Văn Phú	77,0	77,0	Trúng tuyển NV1		

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Ưu tiên		Trình độ đào tạo	Vị trí dự tuyển	Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm thi	Điểm xét tuyển	Kết quả	Tên trường trúng tuyển sau sắp xếp (nếu có thay đổi tên trường)	Ghi chú
						ĐT	Điểm			Tên trường	Xã/phường	Tên trường	Xã/phường					
338	Lê Thị Mai	Hương	20/09/1978	Nữ	Kinh			Đại học	GD/CD	THCS Tô Hiệu	Trung Tâm	TH&THCS Thanh Lương	Cầu Thia	82,0	82,0	Trúng tuyển NV1		
339	Hạng A	Lênh	10/05/1997	Nam	Móng	DTTS	5	Đại học	GD/CD	THCS Tú Lệ	Tú Lệ	PTDTBT TH&THCS Hữu Thào	Tà Van	78,5	83,5	Trúng tuyển NV1		
340	Lò Văn	Sinh	20/06/1995	Nam	Thái	DTTS	5	Đại học	GD Thể chất	PTDTBT TH&THCS Khẩu Lý	Phình Hồ	THCS Minh An	Nghĩa Tâm	77,5	82,5	Trúng tuyển NV1		
341	Hoàng Chung	Hiếu	17/04/1993	Nam	Giáy	DTTS	5	Đại học	GD Thể chất	PTDTBT TH&THCS Ngải Thầu	Y Tý	THCS Nghĩa Đô	Nghĩa Đô	53,5	58,5	Trúng tuyển NV1		
342	Hồ A	Đàn	08/02/1995	Nam	Giáy	DTTS	5	Đại học	GD Thể chất	PTDTBT TH&THCS Ngải Thầu	Y Tý			52,5	57,5	Không trúng tuyển		
343	Phạm Ngọc	Hiệp	06/03/1993	Nam	Kinh			Đại học	GD Thể chất	PTDTBT TH&THCS Ngải Thầu	Y Tý	TH&THCS Tung Chung Phó	Mường Khương	55,0	55,0	Không trúng tuyển		
344	Hạng A	Sái	19/09/1994	Nam	H'mông	DTTS	5	Đại học	GD Thể chất	PTDTBT TH&THCS Ngải Thầu	Y Tý	TH&THCS số 2 Phúc Khánh	Phúc Khánh	50,0	55,0	Không trúng tuyển		
345	Nguyễn Văn	Khánh	09/01/2002	Nam	Kinh			Đại học	GD Thể chất	PTDTBT TH&THCS Ngải Thầu	Y Tý	PTDTBT TH&THCS Khẩu Lý	Phình Hồ	53,5	53,5	Không trúng tuyển		
346	La Thị	Đức	10/08/1993	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	GD Thể chất	PTDTBT THCS Khao Mang	Khao Mang	TH&THCS Tung Chung Phó	Mường Khương	84,5	89,5	Trúng tuyển NV1		
347	Hà Văn	Thích	05/05/1992	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	GD Thể chất	PTDTBT THCS Tân Tiến	Nghĩa Đô	TH&THCS số 2 Phúc Khánh	Phúc Khánh	88,0	93,0	Trúng tuyển NV1		
348	Đỗ Thanh	Tùng	07/10/1994	Nam	Kinh			Đại học	GD Thể chất	PTDTBT THCS Tân Tiến	Nghĩa Đô	PTDTBT TH&THCS Ngải Thầu	Y Tý	53,5	53,5	Không trúng tuyển		
349	Vũ Văn	Hòa	14/12/1991	Nam	Kinh			Đại học	GD Thể chất	TH&THCS Hop Minh	Ấu Lâu	TH&THCS Văn Phú	Văn Phú	83,0	83,0	Trúng tuyển NV1		
350	Nguyễn Thanh	Tú	13/10/1987	Nam	Kinh			Đại học	GD Thể chất	TH&THCS số 1 Hồng Ca	Hưng Khánh	TH&THCS số 1 Lương Thịnh	Lương Thịnh	76,0	76,0	Trúng tuyển NV1		
351	Lương Đức	Trương	13/06/1980	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	GD Thể chất	TH&THCS số 1 Hồng Ca	Hưng Khánh	TH&THCS số 1 Lương Thịnh	Lương Thịnh	62,0	67,0	Trúng tuyển NV2		
352	Bùi Quang	Huy	30/7/2003	Nam	Kinh			Đại học	GD Thể chất	TH&THCS số 2 Phúc Khánh	Phúc Khánh	THCS Nghĩa Đô	Nghĩa Đô	75,0	75,0	Trúng tuyển NV1		
353	Bạch Thái	Bằng	31/08/1991	Nam	Kinh			Đại học	GD Thể chất	TH&THCS số 2 Phúc Khánh	Phúc Khánh	PTDTBT THCS Tân Tiến	Nghĩa Đô	61,5	61,5	Không trúng tuyển		
354	Phan Chí	Linh	16/12/1983	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	GD Thể chất	TH&THCS số 2 Y Can	Quy Mông	TH&THCS Kiên Thành	Quy Mông	52,0	57,0	Trúng tuyển NV1	TH&THCS Y Can	Nguyễn vọng 2 đăng ký trường không có chi tiêu
355	Bùi Văn	Cường	02/04/1988	Nam	Kinh			Đại học	GD Thể chất	TH&THCS số 2 Y Can	Quy Mông	TH&THCS Việt Cường	Việt Hồng	53,5	53,5	Không trúng tuyển		
356	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	18/03/1994	Nữ	Kinh			Đại học	GD Thể chất	TH&THCS Tung Chung Phó	Mường Khương			83,5	83,5	Trúng tuyển NV1		
357	Lý Mạnh	Hùng	07/12/1995	Nam	Nùng	DTTS	5	Đại học	GD Thể chất	TH&THCS Tung Chung Phó	Mường Khương	PTDTBT TH&THCS Ngải Thầu	Y Tý	66,5	71,5	Không trúng tuyển		
358	Phan Văn	Tuấn	26/03/1995	Nam	Kinh			Đại học	GD Thể chất	TH&THCS Tung Chung Phó	Mường Khương	THCS Nghĩa Đô	Nghĩa Đô	70,5	70,5	Không trúng tuyển		
359	Hoàng Văn	Được	20/06/1991	Nam	Giáy	DTTS	5	Đại học	GD Thể chất	TH&THCS Tung Chung Phó	Mường Khương	TH&THCS số 2 Phúc Khánh	Phúc Khánh	63,5	68,5	Không trúng tuyển		
360	Hạng A	Chú	13/06/1992	Nam	H'mông	DTTS	5	Đại học	GD Thể chất	TH&THCS Tung Chung Phó	Mường Khương	PTDTBT THCS Tân Tiến	Nghĩa Đô	50,0	55,0	Không trúng tuyển		
361	Trần Đức	Hoàn	26/03/1987	Nam	Kinh			Đại học	GD Thể chất	TH&THCS Văn Hội	Việt Hồng	TH&THCS số 1 Hồng Ca	Hưng Khánh	58,5	58,5	Trúng tuyển NV1		
362	Đào Thị Mai	Hiên	22/04/1983	Nữ	Dao	DTTS	5	Đại học	GD Thể chất	TH&THCS Việt Cường	Việt Hồng	TH&THCS Việt Hồng	Việt Hồng	64,0	69,0	Trúng tuyển NV1		Nguyễn vọng 2 đăng ký trường không có chi tiêu
363	Nguyễn Yên	Nhi	12/08/2003	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	GD Thể chất	TH&THCS Việt Cường	Việt Hồng	TH&THCS Văn Hội	Việt Hồng	53,5	58,5	Không trúng tuyển		
364	Trần Văn	Thường	31/05/1996	Nam	Cao Lan	DTTS	5	Đại học	GD Thể chất	TH&THCS Vũ Linh	Thác Bà	TH&THCS Văn Hội	Việt Hồng	61,5	66,5	Trúng tuyển NV1		
365	Đỗ Anh	Tuấn	04/04/1995	Nam	Kinh			Đại học	GD Thể chất	THCS Gia Hội	Gia Hội	THCS Tú Lệ	Tú Lệ	76,5	76,5	Trúng tuyển NV1		
366	Hoàng Xuân	Tùng	12/12/2003	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	GD Thể chất	THCS Gia Hội	Gia Hội	THCS Minh An	Nghĩa Tâm	52,0	57,0	Không trúng tuyển		
367	Đông Minh	Tuấn	17/10/1987	Nam	Kinh			Đại học	GD Thể chất	THCS Lê Hồng Phong	Yên Bái	THCS Yên Ninh	Yên Bái	54,5	54,5	Trúng tuyển NV1		
368	Đoàn Thị	Huệ	09/08/1981	Nữ	Kinh			Đại học	GD Thể chất	THCS Minh An	Nghĩa Tâm			67,0	67,0	Trúng tuyển NV1		
369	Lương Thanh	Thùy	26/09/1993	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	GD Thể chất	THCS Nghĩa Đô	Nghĩa Đô	PTDTBT THCS Tân Tiến	Nghĩa Đô	75,0	80,0	Trúng tuyển NV1		
370	Nguyễn Văn	Thích	22/04/1993	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	GD Thể chất	THCS Nghĩa Đô	Nghĩa Đô	PTDTBT THCS Tân Tiến	Nghĩa Đô	62,5	67,5	Không trúng tuyển		
371	Hoàng Văn	Cự	16/09/1992	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	GD Thể chất	THCS Nghĩa Đô	Nghĩa Đô	PTDTBT THCS Tân Tiến	Nghĩa Đô		0,0	Không trúng tuyển		Bỏ thi
372	Đỗ Thủy	Dương	16/04/1996	Nữ	Kinh			Đại học	GD Thể chất	THCS Ngô Văn Sở	Lào Cai	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	88,0	88,0	Trúng tuyển NV1		Nguyễn vọng 2 đăng ký trường không có chi tiêu
373	Nghiêm Đức	Anh	14/11/2003	Nam	Kinh			Đại học	GD Thể chất	THCS Ngô Văn Sở	Lào Cai	TH&THCS Tung Chung Phó	Mường Khương	50,5	50,5	Không trúng tuyển		
374	Nguyễn Trung	Hậu	26/07/2000	Nam	Kinh			Đại học/ThS	GD Thể chất	THCS Yên Ninh	Yên Bái	THCS Lê Hồng Phong	Yên Bái	64,5	64,5	Trúng tuyển NV1		
375	Lương Chí	Tường	21/11/2003	Nam	Kinh			Đại học	GD Thể chất	THCS Yên Thịnh	Văn Phú	TH&THCS Văn Phú	Văn Phú	64,5	64,5	Trúng tuyển NV1		
376	Từ Văn	Hạnh	24/09/2001	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	GD Thể chất	THCS Yên Thịnh	Văn Phú	THCS Yên Ninh	Yên Bái	54,5	59,5	Không trúng tuyển		
377	Vàng Thị Thanh	Hằng	02/05/1993	Nữ	Giáy	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	PTDTBT TH&THCS A Mú Sung	A Mú Sung	PTDTBT THCS Dền Sáng	Dền Sáng	96,0	101,0	Trúng tuyển NV1		
378	Vàng Thị	Chao	18/08/2001	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	PTDTBT TH&THCS Bàn Cai	Cốc Lầu	PTDTBT THCS Tân Tiến	Nghĩa Đô	86,0	91,0	Trúng tuyển NV1		
379	Lò Thị Thu	Hiên	11/12/1999	Nữ	Thái	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	PTDTBT TH&THCS Dế Xu Phình	Púng Luông	PTDTBT TH&THCS Mỏ Dề	Mỏ Cang Chải	77,5	82,5	Trúng tuyển NV1		
380	Nguyễn Thùy	Trang	04/07/2003	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	TH&THCS Na Lốc	Bản Lầu	82,0	82,0	Trúng tuyển NV1		
381	Trần Thu	Hiên	04/03/1999	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	THCS Bản Lầu	Bản Lầu	66,5	66,5	Không trúng tuyển		
382	Giảng Thị	Ca	08/04/1999	Nữ	Móng	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	PTDTBT TH&THCS Mỏ Dề	Mỏ Cang Chải	PTDTBT THCS Lao Chải	Lao Chải	91,0	96,0	Trúng tuyển NV1		
383	Hoàng Thị	Lin	15/08/2002	Nữ	Móng	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	PTDTBT TH&THCS số 1 Quan H	Si Ma Cai	THCS Cán Cầu	Si Ma Cai	77,5	82,5	Trúng tuyển NV1		
384	Phạm Anh	Nam	01/08/1997	Nam	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	PTDTBT TH&THCS Tà Van	Tà Van	PTDTBT THCS Trung Chải	Tà Phìn	78,0	78,0	Trúng tuyển NV1		
385	Tráng Thủy	Linh	25/04/2001	Nữ	Nùng	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	PTDTBT THCS Pha Long	Pha Long	THCS Tà Ngải Chở	Pha Long	84,5	89,5	Trúng tuyển NV1		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Ưu tiên		Trình độ đào tạo	Vị trí dự tuyển	Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm thi	Điểm xét tuyển	Kết quả	Tên trường trúng tuyển sau sắp xếp (nếu có thay đổi tên trường)	Ghi chú
					ĐT	Điểm			Tên trường	Xã/phường	Tên trường	Xã/phường					
386	Trần Minh Anh	01/06/1999	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	PTDTBT THCS Phin Ngan	Bát Xát	THCS Bàn Vực	Bát Xát	80,5	80,5	Trúng tuyển NV1	PTDTBT TH&THCS Phin Ngan	
387	Vũ Thị Thanh Hoa	01/01/1995	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	PTDTBT THCS Sán Chải	Si Ma Cai	PTDTBT TH&THCS Nàn Sín	Sin Chéng	83,5	83,5	Trúng tuyển NV1		
388	Trần Trọng Kim	16/03/1982	Nam	Kinh	on bệnh b	5	Đại học	Tiếng Anh	PTDTBT THCS Sán Chải	Si Ma Cai	THCS Tả Ngải Chồ	Pha Long	70,5	75,5	Không trúng tuyển		
389	Lưu Thùy Dương	13/09/1999	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	PTDTBT THCS Sàng Ma Sáo	Đền Sáng	PTDTBT THCS Đền Thàng	Đền Sáng	83,5	83,5	Trúng tuyển NV1		
390	Thảo Thị Tâu	15/09/1999	Nữ	Mông	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	PTDTBT THCS số 1 Lũng Thẩn	Lũng Phình	PTDTBT TH&THCS số 1 Quan Hồ Thẩn	Si Ma Cai	87,0	92,0	Trúng tuyển NV1		
391	Lê Phương Mai	17/06/2003	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	PTDTNT THCS Văn Chấn	Văn Chấn	TH&THCS Lý Tự Trọng	Nghĩa Lộ	91,5	91,5	Trúng tuyển NV1		
392	Trần Thành Hưng	13/11/2002	Nam	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	TH&THCS Lý Tự Trọng	Nghĩa Lộ	THCS Hạnh Sơn	Cầu Thia	79,5	79,5	Trúng tuyển NV1	THCS Nghĩa Lộ	
393	Trần Thanh Tú	02/12/2002	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	TH&THCS Lý Tự Trọng	Nghĩa Lộ	THCS Hạnh Sơn	Cầu Thia	77,0	77,0	Trúng tuyển NV2		
394	Nguyễn Thị Hương	13/10/1994	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	TH&THCS Minh Báo	Nam Cường	THCS Yên Thịnh	Văn Phú	85,0	90,0	Trúng tuyển NV1		
395	Phạm Thanh Hiền	08/09/2000	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	TH&THCS Minh Báo	Nam Cường	TH&THCS Tân Thịnh	Văn Phú	60,5	60,5	Không trúng tuyển		
396	Lê Thị Phương Thảo	29/10/2001	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	TH&THCS Na Lốc	Bản Lầu	THCS Lũng Vai	Bản Lầu	84,5	84,5	Trúng tuyển NV1		
397	Nguyễn Văn Hiếu	13/10/2000	Nam	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	TH&THCS Na Lốc	Bản Lầu	PTDTBT TH&THCS Ngải Thầu	Y Tý	84,0	84,0	Trúng tuyển NV2		
398	Lục Thị Ly	27/11/1999	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	TH&THCS số 1 Cầm Nhân	Cầm Nhân	TH&THCS Xuân Lai	Yên Thành	82,0	87,0	Trúng tuyển NV1		
399	Hoàng Quang Huy	04/09/2002	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	TH&THCS số 1 Cầm Nhân	Cầm Nhân	TH&THCS Ngọc Chấn	Cầm Nhân	76,0	81,0	Trúng tuyển NV2		
400	Nguyễn Đông Vũ	21/03/1979	Nam	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	TH&THCS Tân Thịnh	Văn Phú	THCS Lê Hồng Phong	Yên Bái	83,0	83,0	Trúng tuyển NV1		
401	Trần Ngọc Anh	25/05/2000	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	TH&THCS Vũ Linh	Thác Bà	TH&THCS Bạch Hà 1	Thác Bà	79,0	79,0	Trúng tuyển NV1		
402	Vũ Minh Anh	14/09/2001	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	TH&THCS Yên Hợp	Xuân Ái	TH&THCS Yên Phú	Xuân Ái	69,5	74,5	Trúng tuyển NV1		
403	Vũ Thị Thủy Ngà	14/04/2003	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	TH&THCS Yên Phú	Xuân Ái	TH&THCS Yên Hợp	Xuân Ái	72,5	72,5	Trúng tuyển NV1	THCS Yên Phú	
404	Hoàng Thị Khánh Linh	02/11/1994	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	THCS Bản Lầu	Bản Lầu	TH&THCS Na Lốc	Bản Lầu	89,0	94,0	Trúng tuyển NV1		
405	Lý Thị Thủy	24/08/1997	Nữ	Nùng	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	THCS Bản Lầu	Bản Lầu	PTDTBT THCS Trung Chải	Tả Phìn	82,0	87,0	Trúng tuyển NV2		
406	Phân Thị Hằng	15/02/2002	Nữ	Dao	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	THCS Bản Lầu	Bản Lầu	THCS Lũng Vai	Bản Lầu	80,5	85,5	Không trúng tuyển		
407	Chu Thị Nhâm	08/01/2000	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	THCS Bản Lầu	Bản Lầu	THCS Cán Cấu	Si Ma Cai	76,5	81,5	Không trúng tuyển		
408	Phùng Thị Thủy	13/08/2001	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	THCS Bảo Ái	Bảo Ái	TH&THCS Cầm Ân	Bảo Ái	89,5	94,5	Trúng tuyển NV1		
409	Nguyễn Văn Thắng	13/02/1979	Nam	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	THCS Bảo Ái	Bảo Ái	THCS Xuân Ái	Xuân Ái	81,5	81,5	Trúng tuyển NV1		
410	Trần Thị Hồng Lê	30/01/1991	Nữ	Nùng	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	THCS Bảo Ái	Bảo Ái	TH&THCS Cầm Ân	Bảo Ái	74,0	79,0	Trúng tuyển NV2		
411	Nông Thị Nga	21/05/1992	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	THCS Cam Đường	Cam Đường	THCS Hàm Rồng	Sa Pa	90,5	95,5	Trúng tuyển NV1		
412	Nguyễn Hồng Lan	29/02/2000	Nữ	Giáy	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	THCS Cam Đường	Cam Đường	THCS Bàn Vực	Bát Xát	79,0	84,0	Trúng tuyển NV2	TH&THCS Bàn Vực	
413	Bùi Thanh Hiền	01/03/1991	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	THCS Cam Đường	Cam Đường	THCS Lý Tự Trọng	Cam Đường	84,5	84,5	Không trúng tuyển		
414	Nguyễn Thị Thu Hương	12/12/1991	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	THCS Cam Đường	Cam Đường	THCS Lý Tự Trọng	Cam Đường	84,0	84,0	Không trúng tuyển		
415	Nguyễn Thị Hồng Nhung	28/01/1994	Nữ	Kinh			Thạc sĩ	Tiếng Anh	THCS Cam Đường	Cam Đường	THCS Lý Tự Trọng	Cam Đường	82,5	82,5	Không trúng tuyển		
416	Trần Ánh Ngọc Bích	04/02/2002	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	THCS Cam Đường	Cam Đường	THCS Lý Tự Trọng	Cam Đường	76,5	76,5	Không trúng tuyển		
417	Phạm Thiên Hà	06/12/2003	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	THCS Cam Đường	Cam Đường	THCS Lý Tự Trọng	Cam Đường	74,0	74,0	Không trúng tuyển		
418	Tạ Thị Thu Hiền	20/01/2001	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	THCS Cam Đường	Cam Đường	PTDTBT THCS Phin Ngan	Bát Xát	69,5	69,5	Không trúng tuyển		
419	Vương Thị Bích	10/06/1990	Nữ	Nùng	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	THCS Cán Cấu	Si Ma Cai	PTDTBT TH&THCS La Pán Tản	Púng Luông	71,0	76,0	Trúng tuyển NV1		
420	Hoàng Thị Tuyết Mai	05/04/2001	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	THCS Chu Văn An	Lâm Thượng	TH&THCS Vĩnh Lạc	Mường Lai	87,5	92,5	Trúng tuyển NV1		
421	Nguyễn Thị Phương Thảo	11/09/1990	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	THCS Hàm Rồng	Sa Pa	PTDTBT THCS Trung Chải	Tả Phìn	92,5	92,5	Trúng tuyển NV1		
422	Mai Thị Chuyển	27/08/1988	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	THCS Khánh Yên Hạ	Khánh Yên	THCS số 1 Võ Lao	Võ Lao	89,5	94,5	Trúng tuyển NV1	THCS Khánh Yên	
423	Vũ Thị Việt Chinh	25/03/1994	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	THCS Khánh Yên Hạ	Khánh Yên	THCS số 1 Võ Lao	Võ Lao	89,0	89,0	Trúng tuyển NV2		
424	Lương Thùy Hương	10/09/1980	Nữ	Thái	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	THCS Lê Hồng Phong	Yên Bái	TH&THCS Tân Thịnh	Văn Phú	85,5	90,5	Trúng tuyển NV1		
425	Nguyễn Thị Thu Uyên	27/11/2001	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	THCS Lũng Vai	Bản Lầu	TH&THCS Na Lốc	Bản Lầu	85,0	85,0	Trúng tuyển NV1		
426	Ngô Thùy Dương	04/09/2002	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	THCS Lý Tự Trọng	Cam Đường	THCS Cam Đường	Cam Đường	94,0	94,0	Trúng tuyển NV1		
427	Trần Phương An	18/08/1991	Nữ	Kinh			Thạc sĩ	Tiếng Anh	THCS Lý Tự Trọng	Cam Đường	THCS Cam Đường	Cam Đường	92,0	92,0	Không trúng tuyển		
428	Trần Thị Hương Tú	03/08/2002	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	THCS Lý Tự Trọng	Cam Đường	THCS Cam Đường	Cam Đường	90,5	90,5	Không trúng tuyển		
429	Nguyễn Hải Yến	12/03/1991	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	THCS Lý Tự Trọng	Cam Đường	THCS Cam Đường	Cam Đường	78,5	78,5	Không trúng tuyển		
430	Nguyễn Thị Thảo	03/10/1997	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	THCS Mậu A	Mậu A	THCS An Thịnh	Mậu A	95,5	95,5	Trúng tuyển NV1		
431	Trương Thị Hậu	05/08/1999	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	THCS Mậu A	Mậu A	THCS An Thịnh	Mậu A	93,5	93,5	Trúng tuyển NV2		
432	Đỗ Phương Thảo	16/11/2000	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	THCS Quang Trung	Yên Bái	TH&THCS Tân Thịnh	Văn Phú	92,0	97,0	Trúng tuyển NV1		
433	Phùng Thảo My	04/04/1999	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	THCS Quang Trung	Yên Bái	THCS Lê Hồng Phong	Yên Bái	91,0	91,0	Trúng tuyển NV1		
434	Dương Hoài Thu	02/10/1995	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	THCS Quang Trung	Yên Bái	THCS Lê Hồng Phong	Yên Bái	90,5	90,5	Trúng tuyển NV1		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Ưu tiên		Trình độ đào tạo	Vị trí dự tuyển	Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm thi	Điểm xét tuyển	Kết quả	Tên trường trúng tuyển sau sắp xếp (nếu có thay đổi tên trường)	Ghi chú
					ĐT	Điểm			Tên trường	Xã/phường	Tên trường	Xã/phường					
435	Ninh Kim Vân	05/09/1986	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	THCS Quang Trung	Yên Bái	THCS Yên Thịnh	Vân Phú	89,5	89,5	Không trúng tuyển		
436	Nguyễn Thị Nguyệt Nga	25/04/2001	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	THCS Quang Trung	Yên Bái	THCS Yên Ninh	Yên Bái	82,5	82,5	Không trúng tuyển		
437	Phạm Thu Huyền	18/10/2002	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	THCS Quang Trung	Yên Bái	THCS Yên Thịnh	Vân Phú	81,5	81,5	Không trúng tuyển		
438	Phan Thị Thọ	26/02/1994	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	THCS Quang Trung	Yên Bái	THCS Lê Hồng Phong	Yên Bái	68,0	68,0	Không trúng tuyển		
439	Đỗ Thị Bích Ngọc	08/05/2001	Nữ	Giáy	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	THCS Tả Ngải Chở	Pha Long	PTDTBT THCS Pha Long	Pha Long	84,5	89,5	Trúng tuyển NV1		
440	Lô Thị Cúc	12/08/1993	Nữ	Thái	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	THCS Tả Phìn	Tả Phìn	PTDTBT TH&THCS Tả Van	Tả Van	92,0	97,0	Trúng tuyển NV1		
441	Nguyễn Mai Anh	16/09/1995	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	THCS Tả Phìn	Tả Phìn	PTDTBT THCS Trung Chải	Tả Phìn	83,0	83,0	Không trúng tuyển		
442	Vũ Minh Anh	14/09/2001	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Tiếng Anh	THCS Xuân Ái	Xuân Ái	TH&THCS Yên Hợp	Xuân Ái	80,0	85,0	Trúng tuyển NV1		
443	Lê Phương Hoa	01/11/2001	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	THCS Yên Ninh	Yên Bái	TH&THCS Tân Đồng	Trần Yên	88,5	88,5	Trúng tuyển NV1		
444	Nguyễn Thị Thu Hoài	11/07/1995	Nữ	Kinh			Đại học	Tiếng Anh	THCS Yên Thịnh	Vân Phú	THCS Quang Trung	Yên Bái	90,0	90,0	Trúng tuyển NV1		
445	Nguyễn Việt Hưng	10/08/2000	Nam	Kinh			Đại học	Lịch sử và Địa lý	PTDTBT THCS An Lương	Mỏ Vàng	TH&THCS Đông An	Đông Cường	69,5	69,5	Trúng tuyển NV1		
446	Vũ Xuân Hoài	20/10/2002	Nữ	H. Mông	DTTS	5	Đại học	Lịch sử và Địa lý	TH&THCS Đông An	Đông Cường	TH&THCS Đông Cường	Đông Cường	54,0	59,0	Trúng tuyển NV1		
447	Đình Thị An	09/12/1987	Nữ	Mường	DTTS	5	Đại học	Lịch sử và Địa lý	TH&THCS Thạch Lương	Cầu Thia	THCS Phúc Sơn	Cầu Thia	50,5	55,5	Trúng tuyển NV1		
448	Nguyễn Hồng Thương	05/03/2003	Nữ	Kinh			Đại học	Lịch sử và Địa lý	TH&THCS Viễn Sơn	Xuân Ái	TH&THCS Quang Minh	Đông Cường	69,0	69,0	Trúng tuyển NV1		
449	Phan Văn Đoàn	22/12/1990	Nam	Nùng	DTTS	5	Đại học	Lịch sử và Địa lý	THCS Bảo Ái	Bảo Ái	TH&THCS Mông Sơn	Bảo Ái	75,5	80,5	Trúng tuyển NV1		
450	Phạm Thu Hà	13/08/2002	Nữ	Kinh			Đại học	Lịch sử và Địa lý	THCS Phúc Sơn	Cầu Thia	TH&THCS Thạch Lương	Cầu Thia	79,0	79,0	Trúng tuyển NV1		
451	Nguyễn Thu Hằng	19/10/1993	Nữ	Kinh			Đại học	Lịch sử và Địa lý	THCS Phúc Sơn	Cầu Thia	TH&THCS Thạch Lương	Cầu Thia	74,0	74,0	Trúng tuyển NV2		
452	Hoàng Thị Hương	26/02/1988	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	KTCN	THCS số 1 Thượng Hà	Thượng Hà			85,5	90,5	Trúng tuyển NV1	THCS Thượng Hà	
453	Nguyễn Ngọc Ánh	10/08/1986	Nam	Kinh			Đại học	KTCN	THCS số 1 Thượng Hà	Thượng Hà	PTDTBT THCS Tả Giàng Phình	Ngũ Chi Sơn	88,0	88,0	Trúng tuyển NV2		
454	Nông Thị Hành	19/11/1986	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	KTNN	TH&THCS An Phú	Mường Lai			51,5	56,5	Trúng tuyển NV1		
455	Nguyễn Ngọc Hà	01/05/1988	Nữ	Kinh			Đại học	KTNN	TH&THCS Lý Tự Trọng	Nghĩa Lộ	TH&THCS Nguyễn Quang Bích	Nghĩa Lộ	88,0	88,0	Trúng tuyển NV1	THCS Nghĩa Lộ	
456	Vì Thị Thín	24/09/1988	Nữ	Thái	DTTS	5	Đại học	KTNN	TH&THCS Mai Sơn	Lâm Thượng	TH&THCS Tân Phượng	Lâm Thượng	75,5	80,5	Trúng tuyển NV1		
457	Bùi Thị Thảo	20/06/1987	Nữ	Kinh			Đại học/CD	KTNN	TH&THCS Mù Cang Chải	Mù Cang Chải	PTDTBT THCS Lao Chải	Lao Chải	69,5	69,5	Trúng tuyển NV1		
458	Phạm Minh Quân	13/07/2003	Nam	Kinh			Đại học	Mỹ thuật	PTDTBT TH&THCS Hữu Thảo	Tả Van	THCS Năm Mòn	Bắc Hà	63,0	63,0	Trúng tuyển NV1		
459	Trần Phương Thảo	08/06/1996	Nữ	Kinh			Đại học	Mỹ thuật	PTDTBT TH&THCS Hữu Thảo	Tả Van			55,5	55,5	Không trúng tuyển		
460	Lý Thị Liên	29/01/1995	Nữ	Dao	DTTS	5	Đại học	Mỹ thuật	TH&THCS An Phú	Mường Lai	TH&THCS Vũ Linh	Thác Bà	76,5	81,5	Trúng tuyển NV1		
461	Tạ Thị Dung	29/02/1996	Nữ	Kinh			Đại học	Mỹ thuật	TH&THCS Kim Sơn	Bảo Hà	THCS Năm Mòn	Bắc Hà	74,5	74,5	Trúng tuyển NV1		
462	Phạm Hải Linh	21/12/2003	Nữ	Kinh			Đại học	Mỹ thuật	TH&THCS số 2 Lương Thịnh	Lương Thịnh	TH&THCS số 1 Y Can	Quy Mông	73,5	73,5	Trúng tuyển NV1		
463	Triệu Thị Tích	21/08/1988	Nữ	Dao đỏ	DTTS	5	Đại học	Mỹ thuật	TH&THCS Tân Phượng	Lâm Thượng	TH&THCS An Phú	Mường Lai	69,0	74,0	Trúng tuyển NV1		
464	Hoàng Văn Thạch	26/03/1988	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	Mỹ thuật	TH&THCS Tân Phượng	Lâm Thượng	TH&THCS Phong Dụ Hạ	Phong Dụ Hạ	64,0	69,0	Trúng tuyển NV2	THCS Phong Dụ Hạ	
465	Lê Minh Huệ	04/10/2003	Nữ	Kinh			Đại học	Mỹ thuật	TH&THCS Văn Phú	Vân Phú	TH&THCS Minh Quán	Trần Yên	74,0	74,0	Trúng tuyển NV1		
466	Hoàng Thị Hồng Nhung	16/06/1985	Nữ	Kinh			Đại học	Mỹ thuật	TH&THCS Văn Phú	Vân Phú	TH&THCS Minh Quán	Trần Yên	73,0	73,0	Trúng tuyển NV2		
467	Phan Thị Bích Phương	16/05/1980	Nữ	Kinh			Đại học	Mỹ thuật	THCS Hạnh Sơn	Cầu Thia	TH&THCS Lý Tự Trọng	Nghĩa Lộ	68,5	68,5	Trúng tuyển NV1		
468	Hoàng Minh Ngoan	19/03/1986	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	Mỹ thuật	THCS Mậu A	Mậu A	TH&THCS Tân Phượng	Lâm Thượng	77,0	82,0	Trúng tuyển NV1		
469	Hoàng Thị Hương	10/01/1987	Nữ	Kinh			Đại học	Mỹ thuật	THCS Mậu A	Mậu A			72,5	72,5	Không trúng tuyển		
470	Trần Thúy Ngần	05/09/1993	Nữ	Mông	DTTS	5	Đại học	Mỹ thuật	THCS Năm Mòn	Bắc Hà			71,0	76,0	Trúng tuyển NV1		
471	Nguyễn Tiến Hiệp	03/10/2000	Nam	Kinh			Đại học	Mỹ thuật	THCS Năm Mòn	Bắc Hà	TH&THCS Kim Sơn	Bảo Hà	62,0	62,0	Không trúng tuyển		
472	Hà Thanh Hòa	26/11/1986	Nam	Mường	DTTS	5	Đại học	Âm nhạc	PTDTBT TH&THCS Đèn Sáng	Đèn Sáng	TH&THCS Văn Tiên	Thượng Bằng La	79,5	84,5	Trúng tuyển NV1		
473	Sùng A Dơ	12/06/1994	Nam	Mông	DTTS	5	Đại học	Âm nhạc	PTDTBT THCS Sáng Ma Sáo	Đèn Sáng	PTDTBT THCS Đèn Thàng	Đèn Sáng	73,5	78,5	Trúng tuyển NV1		NV2 đăng ký trường không có chỉ tiêu
474	Hoàng Lê Hằng	04/11/2003	Nữ	Kinh			Đại học	Âm nhạc	TH&THCS Hưng Thịnh	Lương Thịnh	TH&THCS số 2 Y Can	Quy Mông	67,5	67,5	Trúng tuyển NV1		
475	Trần Thị Như Huệ	22/02/1997	Nữ	Kinh			Đại học	Âm nhạc	TH&THCS Hưng Thịnh	Lương Thịnh	TH&THCS số 2 Y Can	Quy Mông	54,5	54,5	Trúng tuyển NV2	TH&THCS Y Can	
476	Nguyễn Mỹ Hạnh	21/01/1989	Nữ	Kinh			Đại học	Âm nhạc	TH&THCS Quy Mông	Quy Mông	TH&THCS số 2 Y Can	Quy Mông	81,5	81,5	Trúng tuyển NV1		
477	Hoàng Thu Hà	17/03/1997	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Âm nhạc	TH&THCS Quy Mông	Quy Mông	TH&THCS Hưng Thịnh	Lương Thịnh	64,0	69,0	Không trúng tuyển		
478	Ngô Văn Linh	05/03/1996	Nam	Mông	DTTS	5	Đại học	Âm nhạc	TH&THCS Quy Mông	Quy Mông	TH&THCS Hưng Thịnh	Lương Thịnh	52,0	57,0	Không trúng tuyển		
479	Vũ Thị Yến	05/04/1985	Nữ	Kinh			Đại học	Âm nhạc	TH&THCS số 1 Cẩm Nhân	Cẩm Nhân			74,5	74,5	Trúng tuyển NV1		
480	Đặng Ngọc Anh	28/11/2000	Nữ	Dao	DTTS	5	Đại học	Âm nhạc	TH&THCS Tân Lĩnh	Tân Lĩnh	THCS Chu Văn An	Lâm Thượng	75,5	80,5	Trúng tuyển NV1	THCS Tân Lĩnh	
481	Trần Quốc Toàn	19/05/2004	Nam	Kinh			Đại học	Âm nhạc	TH&THCS Văn Tiên	Thượng Bằng La	PTDTBT TH&THCS Bàn Công	Hạnh Phúc	63,0	63,0	Trúng tuyển NV1		
482	Hoàng Đức Sy	12/12/1990	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	Âm nhạc	THCS Nghĩa Đô	Nghĩa Đô	TH&THCS Vĩnh Yên	Nghĩa Đô	50,5	55,5	Trúng tuyển NV1		
483	Lêng Xuân Sa	20/12/2001	Nữ	Nùng	DTTS	5	Đại học	Tin học	PTDTBT THCS La Pan Tẩn	Cao Sơn	THCS Bàn Lầu	Bàn Lầu	88,5	93,5	Trúng tuyển NV1		

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Ưu tiên		Trình độ đào tạo	Vị trí dự tuyển	Nguyện vọng 1		Nguyện vọng 2		Điểm thi	Điểm xét tuyển	Kết quả	Tên trường trúng tuyển sau sắp xếp (nếu có thay đổi tên trường)	Ghi chú
						ĐT	Điểm			Tên trường	Xã/phường	Tên trường	Xã/phường					
484	Nguyễn Việt Anh	19/04/1999	Nam	Kinh			Đại học	Tin học	PTDTBT THCS La Pan Tân	Cao Sơn			62,5	62,5	Không trúng tuyển			
485	Hoàng Đức Doanh	28/02/1999	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	Tin học	PTDTBT THCS Suối Thầu	Mường Bo	TH&THCS Thanh Phú	Mường Bo	73,0	78,0	Trúng tuyển NV1			
486	Lưu Đình Tiến	09/01/1988	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	Tin học	PTDTBT THCS Tả Giàng Phình	Ngũ Chi Sơn	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	Dền Sáng	78,5	83,5	Trúng tuyển NV1			
487	Bùi Quỳnh Trang	21/11/2003	Nữ	Kinh			Đại học	Tin học	TH&THCS Đại Minh	Thác Bà	TH&THCS Bạch Hà 1	Thác Bà	78,5	78,5	Trúng tuyển NV1			
488	Nguyễn Bích Ngọc	21/02/2000	Nữ	Kinh			Đại học	Tin học	TH&THCS Đại Minh	Thác Bà	TH&THCS Hán Đà	Thác Bà	55,5	55,5	Không trúng tuyển		NV2 đăng ký trường không có chỉ tiêu	
489	Hoàng Thị Thu Nguyệt	18/03/1991	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Tin học	TH&THCS Kim Sơn	Bảo Hà	TH&THCS Việt Tiến	Phúc Khánh	66,0	71,0	Trúng tuyển NV1			
490	Phạm Thị Huệ	16/04/1985	Nữ	Kinh			Đại học	Tin học	TH&THCS Nà Hâu	Tân Hợp	TH&THCS Viễn Sơn	Xuân Ái	50,5	50,5	Trúng tuyển NV1			
491	Phùng Thế Linh	02/05/1993	Nam	Tây	DTTS	5	Đại học	Tin học	TH&THCS Tân Lập	Tân Linh	TH&THCS Khánh Hòa	Khánh Hòa	68,5	73,5	Trúng tuyển NV1			
492	Đặng Kim Thắng	16/07/1992	Nam	Dao	DTTS	5	Đại học	Tin học	TH&THCS Viễn Sơn	Xuân Ái	TH&THCS Yên Phú	Xuân Ái		0,0	Không trúng tuyển		Bỏ thi	
493	Lương Thu Uyên	06/07/2000	Nữ	Kinh			Đại học	Tin học	TH&THCS Vĩnh Kiên	Thác Bà	TH&THCS Bạch Hà 1	Thác Bà	74,0	74,0	Trúng tuyển NV1			
494	Hoàng Vũ Linh	29/09/2002	Nam	Kinh			Đại học	Tin học	TH&THCS Yên Phú	Xuân Ái	TH&THCS Viễn Sơn	Xuân Ái	83,0	83,0	Trúng tuyển NV1	THCS Yên Phú		
495	Vương Thế Nhật	02/08/2000	Nam	Giáy	DTTS	5	Đại học	Tin học	THCS Bàn Lầu	Bàn Lầu	PTDTBT THCS La Pan Tân	Cao Sơn	78,0	83,0	Trúng tuyển NV1			
496	Hoàng Đình Dũng	20/08/1984	Nam	Nùng	DTTS	5	Đại học	Tin học	THCS Cán Cấu	Sí Ma Cai	THCS Sín Chéng	Sín Chéng	50,0	55,0	Trúng tuyển NV1			
497	Hoàng Thị Thu	10/05/1995	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Tin học	THCS Điện Quan	Thượng Hà	TH&THCS Khánh Hòa	Khánh Hòa	62,5	67,5	Trúng tuyển NV1			
498	Tạ Quyền Linh	09/03/1998	Nam	Kinh	NV tham	2,5	Đại học	Tin học	THCS Minh Tân	Thượng Hà	THCS Điện Quan	Thượng Hà	65,5	68,0	Trúng tuyển NV1	TH&THCS Minh Tân		
499	Nguyễn Lâm Dũng	05/12/2001	Nam	Kinh			Đại học	Tin học	THCS Phù Nham	Trung Tâm	TH&THCS Thanh Lương	Cầu Thia	59,5	59,5	Trúng tuyển NV1			
500	Tạ Thị Thủy	30/07/1991	Nữ	Kinh			Đại học	Tin học	THCS Quang Trung	Yên Bái	THCS Cổ Phúc	Trần Yên	80,5	80,5	Trúng tuyển NV1			
501	Nông Kiều Diễm	31/03/2003	Nữ	Tây	DTTS	5	Đại học	Tin học	THCS số 1 Võ Lao	Võ Lao	TH&THCS Kim Sơn	Bảo Hà	60,5	65,5	Trúng tuyển NV1			